**BÀI 2. TRUYỆN THƠ NÔM**

**CẢNH NGÀY XUÂN**

**( TRUYỆN KIỀU)**

**(3 tiết)**

### MỤC TIÊU

Bài học góp phần phát triển các năng lực và phẩm chất sau cho HS:

**1.VỀ NĂNG LỰC**

***1.1. Năng lực đặc thù*** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

* Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại.
* Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.
* Có một số hiểu biết đơn giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ quốc ngữ.
* Viết được bài văn nghị luận phân tích một đoạn trích tác phẩm văn học.
* Biết trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự.

***1.2 Năng lực chung*** (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tự chủ và tự học)

* Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp, thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.
* Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập.
* Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được GV, bạn bè góp ý; chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ của người khác khi gặp khó khăn trong học tập.

***1.3. Phẩm chất***

Tự hào, trân trọng những di sản văn hoá, văn học của dân tộc; có ý thức gìn giữ và phát triển tiếng Việt.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung dạy học** | **Phương pháp, phương tiện** | **Chuẩn bị của HS** |
| **Đọc hiểu**  VB: Cảnh ngày xuân (2 tiết) | * Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, dạy học hợp tác,... * Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, tranh ảnh minh hoạ, phiếu học tập. | - Đọc phần Kiến thức ngữ văntrong SGK (tr. 35,36), thực hiện phiếu học tập số 1. |

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

#### Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

#### Nội dung hoạt động

HS vận dụng trải nghiệm về cuộc sống và nghệ thuật để trả lời câu hỏi.

1. ***Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Sản phẩm cần đạt** |
| GV chọn 1 trong các hình thức sau:   * Yêu cầu HS giới thiệu các lễ hội truyền thống trên quê hương mình? | * Giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về các lễ hội truyền thống trên quê hương: Ví dụ:   - Tết Nguyên Đán  - Tết Trung thu  - Tết Đoan Ngọ… |

### Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

#### Mục tiêu

- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm trong đoạn trích *Kim - Kiều gặp gỡ* như: chủ đề, lời người kể chuyện và lời nhân vật, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ.

- HS kết nối VB với thực tế đời sống, biết trân trọng những tình cảm đẹp như tình yêu đôi lứa, biết yêu quý, giữ gìn và phát huy vẻ đẹp của tiếng Việt.

#### Nội dung hoạt động

HS đọc VB, vận dụng tri thức ngữ văn của bài học, tri thức về Nguyễn Du và *Truyện Kiều,* làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

1. ***Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **NV1: Tìm hiểu về truyện thơ Nôm**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, hoàn thành sơ đồ về truyện thơ Nôm  ? Trình bày những hiểu biết của em về Truyện thơ Nôm  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh hoàn thành sơ đồ tư duy, chia sẻ.  - Giáo viên khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * GV gọi một vài HS phát biểu.   - Các HS khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức qua trình chiếu slide. | **I.ĐỌC- TÌM HIỂU CHUNG**  ***1. Khám phá tri thức ngữ văn***   * Hoàn thành sơ đồ tư duy về truyện thơ Nôm:  1. Hình thành vào thế kỉ XVI - XVII; phát triển mạnh mẽ vào thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX. 2. Chữ Nôm 3. Thể thơ Đường luật; thể thơ song thất lục bát; thể thơ lục bát (chủ đạo). 4. Cốt truyện: tiếp thu từ văn học dân gian, văn học nước ngoài, do các tác giả tự sáng tạo; mô hình cốt truyện: *gặp gỡ - chia li - đoàn tụ.* 5. Nhân vật chính là những cô gái, chàng trai có vẻ đẹp toàn diện nhưng gặp nhiều thử thách trong cuộc sống; nhiều nhân vật được khắc hoạ ở cả ngoại hình, lời nói, hành động và tâm trạng, suy nghĩ, cảm xúc; lời thoại của nhân vật được chú ý ở cả hai hình thức: đối thoại và độc thoại. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **NV2: Tìm hiểu về tác giả Nguyễn Du và Truyện Kiều**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoàn thành sơ đồ giới thiệu thông tin chính về tác giả Nguyễn Du và tác phẩm *Truyện Kiều* (yêu cầu 2, phiếu học tập số 1)**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh hoàn thành sơ đồ tư duy, chia sẻ.  - Giáo viên khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * GV gọi một vài HS phát biểu.   - HS trình bày ngắn gọn thông tin đã tìm hiểu về tác giả và tác phẩm.  - Các HS khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức qua trình chiếu slide.  **NV2: Tìm hiểu chung về đoạn trích “ Cảnh ngày xuân”**  **GV hướng dẫn cách đọc văn bản**:  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS đọc văn bản: Gọi 1 – 2 HS đọc. Lưu ý HS đọc đúng nhịp thơ và đọc diễn cảm.  - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích SGK, giải thích các từ khó hiểu.  - Hoạt động theo hình thức nhóm bàn.  - HS trả lời các câu hỏi sau: Giới thiệu nét chung về bài thơ bằng cách trả lời phiếu học tập số 02  HS đóng vai MC để giới thiệu về bài thơ trước nhóm  **PHIẾU HỌC TẬP 02**   |  |  | | --- | --- | | ***Tìm hiểu chung về đoạn trích “ Cảnh ngày xuân”*** | | | *Vị trí* | *………….* | | *PTBĐ* | *………….* | | *Bố cục* | *………….* | | *Chủ đề* | *………….* | | *Mạch cảm xúc* | *………….* |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  Thảo luận về bài thơ theo phiếu HT số 02  **Bước 3: Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV mời một vài HS chia sẻ những liên hệ, suy luận tưởng tượng của mình trong quá trình đọc.  - Trả lời các câu hỏi.  **Bước 4: Đánh giá thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV và HS cùng đánh giá việc đọc văn bản, tìm hiểu những từ khó hiểu trong văn bản.  - GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức về tác phẩm.  **NV3: Tìm hiểu về định hướng cách đọc hiểu một đoạn trích trong truyện thơ Nôm.**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Dựa vào những thông tin em tìm hiểu được về truyện thơ Nôm và Truyện Kiều, em hãy cho biết khi đọc hiểu một đoạn trích trong truyện thơ Nôm, cần lưu ý những gì?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh thảo luận cặp đôi, chia sẻ.  - Giáo viên khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * GV gọi một vài HS phát biểu.   - Các HS khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức qua trình chiếu slide. | 1. ***Tìm hiểu tác giả Nguyễn Du và “Truyện Kiều”***  * Hoàn thành sơ đồ tư duy về Nguyễn Du và *Truyện Kiều*   ***a. Tác giả Nguyễn Du***  **\* Thân thế, thời đại**   * Sinh năm 1765, mất năm 1820.   Sinh ra, lớn lên trong thời đại lịch sử nhiều biến động.  - Quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, trấn Nghệ An ( nay là tỉnh Hà Tĩnh).  - Cuộc đời nhiều thăng trầm, vốn sống phong phú.  **\* Sự nghiệp văn học:**  **-** Tác phẩm chữ Hán: *Thanh Hiên thi tập (78 bài), Nam trung tạp ngâm (40 bài), Bắc hành tạp lục (132 bài).*  - Tác phẩm chữ Nôm tiêu biểu: *Truyện Kiều, Văn tế thập loại chúng sinh.*  *-* Nguyễn Du được suy tôn là đại thi hào của dân tộc, được UNESCO vinh danh và kỉ niệm 250 ngày sinh của ông.  **b, Truyện Kiều**  - Nguồn gốc cốt truyện: sáng tạo dựa trên tiểu thuyết Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân.  - Ngôn ngữ, thể loại: viết bằng chữ Nôm, theo thể loại truyện thơ Nôm.  - Cảm hứng: xót thương cho số phận bi kịch của người phụ nữ, khẳng định vẻ đẹp và giá trị của con người, trân trọng khát vọng chính đáng của họ, tố cáo thực trạng xã hội bất công, ngang trái.  - Giá trị: giá trị nhân đạo và giá trị hiện thực; nổi bật về hình thức là nghệ thuật xây dựng nhân vật, sử dụng ngôn ngữ và thể thơ, tổ chức cốt truyện…  - Vị trí đoạn trích: nằm ở phần thứ nhất: gặp gỡ và đính ước, đoạn at Kiều cùng hai em đi du xuân, trước khi gặp Kim Trọng.  **c, Đoạn trích “ Cảnh ngày xuân”**  **- Vị trí:** Sau đoạn “Chị em Thuý Kiều”,câu 39-57  **- Phương thức biểu đạt:** tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.  **- Bố cục**: 3 phần  + P1 : 4 dòng đầu: Khung cảnh ngày xuân.  + P2 : 8 dòng tiếp theo: Khung cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh.  + P3 : 6 dòng cuối: Cảnh hai chị em Kiều du xuân trở về.  ***- Chủ đề:*** Tả cảnh ngày xuân trong tiết Thanh minh và cảnh du xuân của chị em Thuý Kiều .  **3.Định hướng cách đọc hiểu một đoạn trích trong truyện thơ Nôm.**  Khi đọc hiểu một đoạn trích trong truyện thơ Nôm cần xác định được vị trí của đoạn trích trong tác phẩm, bố cục của đoạn trích, phân biệt lời người kể chuyện và lời nhân vật, khái quát được đặc điểm nhân vật và chủ đề của đoạn trích, chỉ ra những nét đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật và sử dụng ngôn ngữ của nhà thơ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **NV 1: Tìm hiểu bức tranh thiên nhiên mùa xuân**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **HS chia sẻ cặp đôi:**  *- Én thường xuất hiện vào mùa nào? Thiều quang là gì? Ý cả câu thơ?*  *-* *Chỉ ra các hình ảnh thiên nhiên là tín hiệu ngày xuân?*  ***-*** *Những hình ảnh ấy gợi ấn tượng gì về mùa xuân?*  *- Em hãy chỉ ra những đặc sắc trong nghệ thuật tả cảnh ở 4 câu thơ đầu?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và thảo luận cặp, dựa trên nội dung đã chuẩn bị ở nhà.  - GV quan sát, động viên, hỗ trợ (nếu cần).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS dựa vào phiếu học tập đã thống nhất để trả lời.  - Các cặp đôi khác bổ sung.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  Nguyễn Du đã vận dụng sáng tạo câu thơ cổ: “Phương thảo liên thiên bích” (cỏ thơm liền với trời xanh), “Lê chi sổ điểm hoa” (Trên cành lê mấy bông hoa) để tạo nên một khung cảnh xuân sống động, có hồn. Chứng tỏ tài quan sát tinh tế, nhạy bén và có tâm hồn nhạy cảm.  **NV 2: Tìm hiểu cảnh lễ hội trong tiết thanh minh:**  Hoạt động theo PP, KT **khăn phủ bàn:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**   |  | | --- | | GV hướng dẫn HS thực hiện PP, KT Khăn phủ bàn bằng hệ thống câu hỏi sau:  *Câu 1: Những hoạt động nào được nhắc đến trong đoạn thơ?*  *Câu 2: Tìm các danh từ, động từ, tính từ miêu tả cảnh lễ hội?*  *Câu 3: Từ đó nêu cảm nhận về khung cảnh lễ hội?* |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**   * HS suy nghĩ, thảo luận theo nhóm tổ, ghi kết quả vào phiếu học tập A4. * GV quan sát, hỗ trợ, động viên.   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV gọi đại diện một số bàn trình bày sản phẩm.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.  **Bước 4: GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức.**  Quang cảnh hội mùa xuân rộn ràng, náo nức, vui tươi cùng những nghi thức trang nghiêm mang tính chất truyền thống của người Việt tưởng nhớ đến người đã khuất.  **NV 3: Tìm hiểu cảnh chị em Kiều du xuân trở về.**  Hoạt động theo hình thức **thảo luận theo bàn:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  1. HS thảo luận theo bàn, hoàn thành Phiếu học tập  *- Cảnh vật, không khí mùa xuân trong 6 câu cuối có gì khác so với 4 câu đầu ?*  *- Nghệ thuật nổi bật của đoạn trích?*  *- Cảm nhận sâu sắc của em về cảnh trong đoạn trích?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**   * HS suy nghĩ, thảo luận trong bàn, ghi kết quả vào phiếu học tập A4. * GV quan sát, hỗ trợ, động viên.   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV gọi đại diện một số bàn trình bày sản phẩm.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.  **Bước 4: GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức.**  **NV: Hướng dẫn HS tổng kết đoạn trích “ Cảnh ngày xuân”**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS trao đổi theo cặp trong bàn:  *Đọc lại bài thơ một lần. Sau đó nêu những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hoạt động thảo luận theo cặp.  GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ.  Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | 1. **ĐỌC -HIỂU VĂN BẢN**   **1. Bức tranh thiên nhiên mùa xuân**  - Hình ảnh, màu sắc, đường nét:  + Chim én đưa thoi  + Thiều quang: ánh sáng ngày xuân  + Cỏ non xanh - cành lê trắng điểm..  - Nghệ thuật:  + Bút pháp gợi tả: 2 hình ảnh “ cỏ non” và “cành lê”  + Dùng từ: “ điểm”…  => Bút pháp miêu tả giàu chất tạo hình : cảnh mùa xuân được khắc họa qua cái nhìn của nhân vật đang đứng trước ngưỡng cửa của tình yêu hiện ra mới mẻ, tinh khôi và tràn đầy sức sống.   1. **Cảnh lễ hội trong tiết thanh minh:**   Lễ tảo mộ: dọn dẹp, sửa sang phần mộ của người thân, thắp hương...  - Hội đạp thanh: chơi xuân ở chốn đồng quê  - Các từ ghép:  + Gần xa, nô nức (Tính từ) -> tâm trạng náo nức  + Yến anh, tài tử, giai nhân (Danh từ): gợi sự đông vui náo nhiệt  + Sắm sửa, dập dìu (Động từ): không khí rộn ràng, nhộn nhịp  => Dùng các từ ghép liên tiếp, từ Hán Việt, từ láy, phép ẩn dụ: Quang cảnh hội mùa xuân rộn ràng, náo nức, vui tươi cùng những nghi thức trang nghiêm mang tính chất truyền thống của người Việt tưởng nhớ đến người đã khuất.   1. **Cảnh chị em Kiều du xuân trở về:**   - Bóng ngả về tây: Thời gian, không gian thay đổi  - Tà tà, thanh thanh, nao nao, thơ thẩn-> từ láy  => Tâm trạng người bâng khuâng, lưu luyến về một ngày vui xuân đã hết.  **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng ngôn ngữ miêu tả giàu hình ảnh, giàu nhịp điệu, diễn tả tinh tế tâm trạng nhân vật  - Miêu tả theo trình tự thời gian cuộc du xuân của chị em Thúy Kiều  **2. Nội dung:** Cảnh ngày xuân là đoạn trích miêu tả bức tranh mùa xuân tươi đẹp qua ngôn ngữ và bút pháp nghệ thuật giàu chất tạo hình của Nguyễn Du |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**1. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**2. Nội dung**: Khái quát lại các đặc điểm thể loại của văn bản

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**4. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Bài tập 1**. HS trao đổi theo cặp trong bàn:  *Em hãy viết đoạn văn cảm nhận về bức tranh thiên nhiên mùa xuân được khắc họa qua 4 câu thơ đầu?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hoạt động thảo luận theo cặp.  GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ.  Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.  - Hướng dẫn đọc và chuẩn bị bài học tiếp theo. | **Bài tập 1**: **-** HS thoải mái chia sẻ suy nghĩ, bày tỏ ấn tượng của mình về hình ảnh, chi tiết trong tác phẩm.  Gợi ý:  **HS có thể thể hiện cảm nhận của mình qua lời văn**  …. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**1. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**2.** **Nội dung**: HS làm bài tập sáng tạo

**3. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**4. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:**

**2. Bài tập 2: Dự án đọc hiểu VB**

**Tập làm hoạ sĩ, nhạc sĩ**

**Yêu cầu:** HS vẽ tranh minh hoạ nội dung bài thơ hoặc phổ nhạc cho bài thơ.

* Ví dụ: **HS có thể thể hiện cảm nhận của mình qua việc vẽ lại bức tranh trong tác phẩm.**

+ Tranh về mùa xuân trên quê hương em.

+ Về cảnh mùa xuân và các lễ hội trên quê hương.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành các bài tập.

- GV khích lệ, giúp đỡ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi một vài HS chia sẻ về bài tập 2.

- Bài tập 2: Dự án.

GV gọi đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm học tập. (Nếu không đủ thời gian thì có thể để HS báo cáo vào tiết học buổi chiều hoặc tiết học chuyên đề Sân khấu hoá tác phẩm văn học).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**TIẾT:**

**LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA**

***(Trích Truyện Lục Vân Tiên -Nguyễn Đình Chiểu)***

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.**

**1.Kiến thức:**

+ Những hiểu biết bước đầu về tác giả NĐC và tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên.

+ Thể loại thơ lục bát truyền thống của dân tộc qua tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên

+ Những hiểu biết bước đầu về nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm

      Truyện Lục Vân Tiên.

+ Khát vọng cứu người, giúp đời của tác giả và phẩm chất của hai nhân vật Lục

      Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.

**2. Năng lực:**

+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực

**3. Phẩm chất:**

+ Giáo dục học sinh thêm yêu mến trân trọng tài năng đức độ của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu được gửi gắm qua một số nhân vật trong truyện

 + Yêu quý các nhân vật có phẩm chất tốt đẹp như Lục Vân Tiên & Kiều Nguyệt Nga, học tập các phẩm chất tốt đẹp của họ: Có thái độ đúng đắn trong cuộc sống trước những khó khăn hoạn nạn của người khác => Tình yêu thương & sự giúp đỡ mọi người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

Tranh chân dung Nguyễn Đình Chiểu; Tác phẩm Lục Vân Tiên, tham khảo tư liệu, bảng phụ, tranh minh hoạ đoạn trích, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**   Nghiên cứu, soạn bài, tìm đọc Lục Vân Tiên toàn tập, tóm tắt truyện Lục Vân Tiên, trả lời câu hỏi SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a.  Mục tiêu:**

   - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

**b. Nội dung:** HS thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** HS suy nghĩ trả lời.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**GV** phát phiếu học tập cho hs:

Nhớ lại một vài tác phẩm mà em biết, liệt kê vào vở theo gợi ý trong bảng rồi thảo luận với bạn những câu hỏi bên dưới:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên tác phẩm** | **Nhân vật hiền lành gặp may mắn, hạnh phúc** | **Nhân vật độc ác bị trừng trị thích đáng** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

\* Hệ thống nhân vật này thể hiện quan niệm và ước mơ gì của nhân dân? Và chủ yếu ở thể loại nào?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**GV dẫn dắt:** Ước mơ về xã hội công bằng, cái xấu cái ác bị trừng trị, người ở hiền thì sẽ gặp lành là ước mơ ngàn đời của nhân dân ta. Ước mơ ấy không chỉ được gửi gắm qua truyện cổ tích mà còn được cụ Đồ Chiểu gửi gắm trong truyện "Lục Vân Tiên", đặc biệt là ở đoạn trích "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga". Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu đoạn trích để thấy được điều này

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 1: Tác giả, tác phẩm**  **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - HS Nhắc lại kiến thức về tác giả.  - Nắm được những nét chung của văn bản (Vị trí, bố cục…)  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi, sử dụng phiếu học tập cho HS làm việc nhóm  - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động cảu GV – HS** | **Nội dung bài học** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi và yêu cầu HS thảo luận theo nhóm**  ? Qua phần chú thích, em hãy nêu những nét chính về thân thế, cuộc đời, sự nghiệp văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**   |  |  | | --- | --- | | **NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU** | | | **Cuộc đời** | * Tên * Năm sinh – mất * Quê hương * Gia đình | | **Sự nghiệp** | - Vị trí:  - Cảm hứng sáng tác:  - Quan niệm sáng tác:  - Các tác phẩm chính: |   **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**trình bày theo nhóm.     - Một nhóm trình bày.     - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:**  **a. Cuộc đời**   Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888),  **Quê nội: Thừa Thiên Huế,**  **quê ngoại: Gia Định (Hồ Chí Minh)**  - Ông là nhà thơ Nam Bộ, sống và sáng tác ở thời kì đau thương mà anh dũng của dân tộc ta vào thế kỉ XIX.  - Có nghị lực sống và cống hiến lớn lao cho đời: thầy giáo, thầy thuốc, nhà thơ.  - Tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm.  -> Sống thanh cao trong sáng giữa tình thương, kính trọng của đồng bào cho đến hơi thở cuối cùng ông thật xứng đáng  **b. Sự nghiệp văn thơ:**  - Ông để lại nhiều áng thơ văn có giá trị:  + Truyền bá đạo lý làm người: Lục Vân Tiên...  + Cổ vũ lòng yêu nước: Chạy giặc, Văn tế…, thơ điếu  + Truyện thơ dài: Ngư tiều y thuật vấn đáp. |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**   |  |  | | --- | --- | | **TRUYỆN LỤC VÂN TIÊN** | | | **\* Hoàn cảnh sáng tác** |  | | **\* Thể loại:** |  | | **\* Dung lượng:** |  | | **\* Kết cấu:** |  | | **\* Mục đích:** |  | | **\* Hình thức lưu truyền** |  |   **? Tóm tắt truyện?**  **? Vị trí đoạn trích?**  **? Bố cục?** | **2. Tác phẩm:**  **+ HCST:** - Tác phẩm: Viết vào khoảng 1846-1854 khi ông  bỏ thi, bị mù, lấy vợ. Chính vợ ông là người đã ghi chép tác phẩm hộ ông.  **+ Thể loại**: Truyện thơ Nôm, gồm 2082 câu thơ lục bát,  + Thể hiện rõ lí tưởng đạo đức của NĐC muốn được gửi gắm qua tác phẩm  **+ Kết cấu**: Theo từng chương hồi xoay quanh diễn biến cuộc đời các nhân vật chính. Có tính ước lệ, khuôn mẫu  -> Nhằm mục đích truyền dạy đạo lý làm người, phản ánh khát vọng của nhân dân.  \* **Tóm tắt truyện:**  - 4 phần  + Lục Vân Tiên đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga  + Lục Vân Tiên gặp nạn  + Lục Vân Tiên gặp nạn được cứu.  + Lục Vân Tiên gặp Kiểu Nguyệt Nga, sum vầy, hạnh phúc  \* **Vị trí đoạn trích:**  + Gồm 58 câu, nằm ở phần đầu của truyện.  + Nội dung: **kể vể câu chuyện Lục Vân Tiên đánh cướp cứu người trên đường đi thi.**  **\* Bố cục**  + Phần 1: 14 câu đầu: Lục Vân Tiên đánh tan bọn cướp, tiêu diệt tên cầm đầu Phong Lai để cứu Kiều Nguyệt Nga.  + Phần 2: Còn lại: Cuộc trò chuyện giữa Lục Vân Tiên với Kiều Nguyệt Nga. |
| **Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh tìm** **hiểu nhân vật Lục Vân Tiên**  **a.  Mục tiêu:**HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản.  **b.** **Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  \* GV yêu cầu HS theo dõi lại đoạn văn đầu tiên.  **GV đặt câu hỏi:**  *? L.V.T gặp bọn cướp trong hoàn cảnh nào ? Tại sao tác giả lại chọn cảnh đó để giới thiệu Lục Vân Tiên?*  *? Hình ảnh bọn cướp được tái hiện ntn ?*  ? Dựa vào đoạn trích phân tích nhân vật LVT khi đánh đảng cướp Phong Lai theo các ý:   * Hành động * Lời nói * Nghệ thuật * Nhận xét   **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**     - Một nhóm trình bày.     - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Kết quả mong đợi:** | **II. Đọc – hiểu văn bản:**   1. **Nhân vật Lục Vân Tiên:** 2. **Hình ảnh Lục Vân Tiên đánh cướp.**   Trên đường lên kinh dự thi  Chiến đấu một mình với đảng cướp khét tiếng  - Hoàn cảnh chiến đấu  🡪 Hoàn cảnh đầy thử thách, làm sáng lên vẻ đẹp phẩm chất |
| **Hình ảnh bọn cướp:** | **Hình ảnh Lục Vân Tiên:** |
| * **Trước trận chiến:** Quân **bốn phía** bủa vây * Thái độ: “Mặt đỏ phừng phừng”, lời nói thách thức “Thằng nào…vào đây”. * Hung dữ, rất đông. * **Sau trận chiến:** *4 phía vỡ tan; Tháo chạy; thác rày thân vong.*   **=> Thất bại thảm hại.** | - **Một mình** => **Dũng cảm.**   * **Hành động:**   + « tả đột hữu xông »: Người anh hùng chủ động, linh hoạt.  + Lời nói : Bớ đảng hung đồ….  -> Sử dụng pháp so sánh, thành ngữ, miêu tả tư thế dũng cảm, xả thân vì nghĩa lớn, không sợ hiểm nguy, tấm lòng chính trực, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài  **=>** - Hành động kịp thời, khẩn trương, không chút chần chừ, do dự, cũng không tính toán thiệt hơn => quyết liệt & dũng cảm  - Lời nói: Chứng tỏ L.V.T căm ghét cái ác, xấu, yêu thương nhân dân & rất trọng nghĩa, trọng người. |
| **=> Giữa vòng vây của cái ác, dũng khí, tài ba của người anh hùng Lục Vân Tiên hiện lên thật đẹp, rõ nét, sống động. Càng trong hiểm nguy, Nguyễn Đình Chiểu càng làm sáng lên ý chí, sức mạnh của Lục Vân Tiên.**  **GV CHO HS XEM VI DEO** | |

|  |  |
| --- | --- |
| \* Giáo viên: Hành động của LVT không 1 chút do dự tính toán thiệt hơn, lao vào bọn cướp với duy nhất 1 chiếc gậy trong tay để cứu người bị nạn. Hành động của Lục Vân Tiên chứng tỏ cái đức của con người " vị nghĩa vong thân" (vì việc nghĩa quên thân mình), cái tài của bậc anh hùng và sức mạnh bênh vực kẻ yếu, chiến thắng những thế lực bạo tàn. | |
| ? Trong cuộc kì ngộ này lời lẽ của chàng được miêu tả như thế nào?  ? Em hiểu thế nào về nghĩa của 2 câu thơ cuối:  “Nhớ câu..............anh hùng”  => thấy việc nghĩa mà không làm thì không phải là anh hùng.  ? Qua phân tích, em thấy phẩm chất gì nổi bật trong con người Lục Vân Tiên?  -Dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài. | **b. Cách cư xử của Lục Vân Tiên với Kiều Nguyệt Nga:**  - Chàng cười nói hỏi han ôn tồn “Làm ơn há dễ trông người trả ơn”  “khoan khoan......là phận trai”  => giản dị, mộc mạc, chân thành của chàng trai Nam Bộ.  - Cách ứng xử đứng đắn, đàng hoàng lịch sự.  - Hai câu thơ thể hiện quan niệm: làm việc nghĩa là lẽ sống của người hiền nhân quân tử.  => Vân Tiên là một nho sinh chính trực, phong thái đường hoàng, khinh tài trọng nghĩa, đôn hậu bao dung, ân cần thăm hỏi, ứng xử đúng mực, từ chối sự đền đáp ơn huệ.  =>Lục Vân Tiên là chàng trai dũng cảm giàu lòng nhân nghĩa: làm việc nghĩa là bổn phận,là lẽ tự nhiên không coi đó là công trạng.Đó là cách cư xử mang tinh thần nghĩa hiệp của anh hùng hảo hán. |
| *? Qua hành động đánh cướp và cách cư xử với Kiều Nguyệt Nga, hình ảnh Vân Tiên nổi bật với những phẩm chất nào?* |
| *-> Là con người có tấm lòng chính trực, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, từ tâm, nhân hậu -> cách cư xử mang tinh thần nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hảo hán.* |
| *? Nhà thơ gửi gắm điều gì qua hình tượng nhân vật L.V.T?*  - Ước mơ, khát vọng của tác giả : Có người tài đức ra tay cứu nạn giúp đời.  *? Có thể nói hình ảnh của Lục Vân Tiên là hình ảnh lí tưởng mà Nguyễn Đình Chiểu đã gửi gắm niềm tin & ước mong của mình không? tại sao?*  + Hiện thân của cái thiện : Khát vọng cháy bỏng của người làm trai, người anh hùng nghĩa hiệp : tuổi trẻ tài cao, lòng đầy khao khát muốn lập công danh, đem tài năng cứu người giúp đời.  + Khác hẳn với nhân vật Bùi Kiệm, Trịnh Hâm, Võ Công độc ác, lưu manh, xảo quyệt ghanh ghét với người tài giỏ  + Giống Hớn Minh, Vương Tủ Trực trọng nghĩa khinh tài.  *? Nhân vật L.V.T được tác giả miêu tả, khắc họa qua những phương diện nào?*  - Hành động, cử chỉ, lời nói. | *-> Là hình ảnh đẹp, lí tưởng về người anh hùng hành đạo cứu đời, vì dân dẹp loạn mà N.Đ.C gửi gắm niềm tin và ước mơ của mình* |
| **Hình tượng Lục Vân Tiên**  *A person playing a guitar  Description automatically generated with low confidence*   * **Là hình mẫu lí tưởng về một trang nam nhi hào kiệt,**   **trừ gian diệt bạo, văn võ toàn tài**  **Trọng lễ nghĩa**  **Gan dạ, dũng cảm, nghĩa hiệp**  **Coi thường danh lợi**  **Có tấm lòng nhân hậu,** | |
| ? Kiều NN được giới thiệu là con người như thế nào?  - Là con quan tri phủ.  -Đến tuổi trưởng thành, xinh đẹp, hiếu thảo.... | **2. Nhân vật Kiều Nguyệt Nga**  - Là con gái quan tri phủ xinh đẹp, hiếu thảo, thuỳ mị, nết na, có học thức. |
| *A picture containing text, clipart  Description automatically generated? Qua lời giới thiệu, cách nói năng, trình bày của Kiều Nguyệt Nga cho em hiểu điều gì về nàng?*   * **Là hình mẫu lí tưởng về một trang nam nhi hào kiệt,**   **trừ gian diệt bạo, văn võ toàn tài**  **Coi thường danh lợi**  **Có tấm lòng nhân hậu,**  **Trọng lễ nghĩa** | + Là cô gái khuê các, thuỳ mị, nết na, có học thức, có giáo dục. |
| *? Em có nhận xét gì về cách xưng hô của Kiều Nguyệt Nga với Lục Vân Tiên?*  ? Theo dõi đoạn:  " Lâm nguy chẳng kịp giải nguy  Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi  Hà Khê qua đó cũng gần  Xin theo…đền ơn cho chàng…”  *Em thấy đặc điểm nào trong tình cảm của Kiều Nguyệt Nga tiếp tục được bộc lộ?*  \* Giáo viên: K.N.N rất cảm kích trước ơn cứu mạng của L.V.T. Bởi vì, không chỉ cứu mạng mà còn cứu cả cuộc đời trong trắng của nàng (đối với người con gái, điều đó còn quý hơn cả tính mạng). Dù biết rằng đền đáp mấy cũng không đủ, nàng quyết định gắn bó cuộc đời với Lục Vân Tiên. Nàng đã thuỷ chung, son sắc, dám liều mình để giữ trọn ân tình với L.V.T: Bị ép duyên, đi cống giặc Ô Qua nàng đã ôm bức hình L.V.T nhảy sông tự tử => Mối tình thuỷ chung của nàng đã được đền đáp. Vẻ đẹp tinh thần của K.N.N tạo thành bức chân dung tuyệt đẹp về người phụ nữ, chinh phục được niềm yêu mến của n.dân: Kế thừa & phát huy nét đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam, nêu ước mơ phá vỡ những khuôn khổ chật hẹp, gò bó của lễ giáo p.kiến: Tình yêu tự do. | + Xưng hô khiêm nhường:  “quân tử, tiện thiếp*-> nói năng văn vẻ, dịu dàng, mực thước*  - **Cách cư xử**: cảm kích, áy náy, băn khoăn, tìm cách trả ơn*-> sống ân nghĩa, trọng tình cảm, một lòng tri ân người đã cứu mình.* |
|  | **III. Tổng kết:** |
| *? Vẻ đẹp nào của 2 nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga được thể hiện thể hiện qua đoạn trích?*  \* Học sinh thảo luận **nhóm bàn- 2 phút**  *? Qua đoạn trích vừa học em thấy N.Đ.C muốn thể hiện những nội dung gì?* | **1. Nội dung- Ý nghĩa :**  **\* Nội dung**  + Cuộc đấu tranh giữa cái thiện & cái ác => Cái thiện bao giờ cũng chiến thắng.  + Ca ngợi nhân nghĩa chống phi nghĩa. |
| *? Ý nghĩa của đoạn trích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga?* | **\* Ý nghĩa của văn bản:**  + Đoạn trích ca ngợi phẩm chất cao đẹp của hai nhân vật và khát vọng hành đạo cứu đời của tác giả |
| *? Em có nhận xét gì về nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôn ngữ của N.Đ.C ?* | **2. Nghệ thuật:**  + Miêu tả nhân vật chủ yếu được qua cử chỉ, hành động, lời nói.  + Sử dụng ngôn ngữ mộc mạc, bình dị, gắn với lời nói thông thường mang nhiều màu sắc Nam Bộ rõ nét, phù hợp với diễn biến tình tiết truyện. |
| **\* Gọi học sinh đọc ghi nhớ** | **\* Ghi nhớ: ( SGK- )** |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  *- Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức mới đã học ở phần hình thành kiến thức để củng cố kiến thức về tác giả, tác phẩm*  *- Phương pháp,*  *- Kĩ thuật: Trả lời nhanh, trắc nghiệm*  *- Thời gian:* | |
| **Câu 1: Nguyễn Đình Chiểu sống vào thế kỉ nào?**  **Câu 2: Đâu không phải nội dung tư tưởng trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu?**  **Câu 3: Tác phẩm nào của Nguyễn Đình Chiểu truyền bá đạo lí làm người?**  **Câu 4: Tác phẩm nào của Nguyễn Đình Chiểu viết sau khi thực dân pháp xâm lược nước ta?**  **Câu 5: Tư tưởng sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu sau khi thực dân pháp xâm lược nước ta là gì?**  **Câu 6: Tư tưởng sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu trước khi thực dân pháp xâm lược nước ta là gì?**  **Câu 7: Nguyễn Đình Chiểu đã gửi gắm ước mơ hành thiện cứu đời của mình qua nhân vật nào trong sáng tác của ông?**  **Câu 8: Truyện Lục Vân Tiên gồm bao nhiêu câu thơ lục bát ?**  **Câu 9: Truyện Lục Vân Tiên thể hiện khát vọng gì của dân tộc ta?** | **C**  **C**  **C**  **B**  **D**  **C**  **B**  **D**  **D** |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

*- Mục tiêu: Hệ thống những kiến thức đã học và luyện tập*

*- Phương pháp: Vấn đáp*

*- Kĩ thuật: Trả lời nhanh, KT khăn phủ bàn*

*- Thời gian:*

*? Có ý kiến cho rằng truyện Lục Vân Tiên có thể coi là tự truyện, vì giữa tác giả Nguyễn Đình Chiểu và nhân vật Lục Vân Tiên có rất nhiều điểm tương đồng trong cuộc đời và tính cách. Em có đồng ý với ý kiến trên không? Vì sao?*

+ 2 người: - Đều học giỏi, thông minh

- Đều phải bỏ thi về chịu tang mẹ, đều bị mù loà và đều bị bội hôn.

- Tinh thần bất khuất, yêu nước ghét áp bức, bất công.

\* GV: Trong cảnh xã hội pkiến đạo đức suy đồi, cái xấu, cái ác hoành hành, người tốt phải hứng chịu bao nỗi oan trái đau khổ => Lục Vân Tiên thể hiện ước mong về những con người lí tưởng của thời đại: Vì nghĩa quên thân, sẵn sàng sả thân vì nghĩa, đại diện cho cái thiện, cái tốt trong xã hội.

**HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, SÁNG TẠO**

*- Mục tiêu: tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

*- Phương pháp: thảo luận nhóm*

*- Kĩ thuật: hỏi và trả lời, trình bày một phút, chia nhóm, giao nhiệm vụ*

*- Phương tiện: Phiếu học tập*

**? Kể tên các "Lục Vân Tiên thời hiện đại mà em biết?**

**Theo em cuộc sống hiện nay còn hiện hữu con người như Lục Vân Tiên Không? Ví dụ cụ thể?**

+ Khi đang trên đường đi ship hàng thì anh Nguyễ n Đăng Văn (30 tuổi, quê Bắc Ninh, làm nghề shipper) nhận được tin nhắn của anh trai, báo nhà người thân (ở tầng 4, tòa chung cư mini) bị cháy. Nhận tin báo, anh Văn chạy xe tới thẳng hiện trường, lao vào ngôi nhà đang bốc lửa khói để cứu người thân và cứu thêm được một số nạn nhân. Hành động dũng cảm của anh đã khiến nhiều người không khỏi cảm động.

**4. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài sau:**

+ Học thuộc lòng đoạn trích, thuộc ghi nhớ

+ Phân tích hai nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga thông qua lời nói,

hành động của nhân vật.

+ Hiểu và dùng được một số từ Hán Việt thông dụng ở phần chú thích.

**- Đối với bài mới**

Đọc và chuẩn bị bài tiếp theo.

**BÀI 2.**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: ĐIỂN CỐ, ĐIỂN TÍCH**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

**-** Củng cố kiến thức đã học và làm bài tập thực hành tiếng Việt*: Điển cố, điển tích.*

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

- *Năng lực tự chủ và tự học:*biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:*biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

**b.Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được điển tích, điển cố và phân tích được tác dụng của chúng;

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

- Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhóm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

1. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
2. **Nội dung**: GV tổ chức cho hs chơi trò chơi tìm kiếm ô chữ về tên các văn bản truyện thơ nôm và nêu một vài đặc điểm chung về nghệ thuật của các truyện thơ nôm?
3. **Sản phẩm:** Tên các văn bản truyện thơ nôm và nét chung về nghệ thuật.
4. **Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Yêu cầu hs tham gia trò chơi tô chữ về tên các văn bản thơ cổ/ truyện thơ nôm và nêu một vài đặc điểm chung về nghệ thuật của các truyện thơ nôm**.**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS chuẩn bị kiến thức về truyện thơ nôm, làm việc nhóm đôi tìm trong phiếu trò chơi.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

Hs tham gia trả lời theo nhóm đôi.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét phần trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới:

Một trong những nét đặc trưng của nghệ thuật kể truyện thơ nôm/ sáng tác thơ cổ là việc sử dụng các điển tích, điển cố.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a) Mục tiêu**: Học sinh nắm được khái niệm thế nào là điển cố, điển tích, cho ví dụ.

**b) Nội dung**: GV tổ chức cho hs điền vào bảng KWL

**c) Sản phẩm:** Bảng KWL về điển cố, điển tích.

**d) Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS trình bày thông tin về điển cố, điển tích; những điều còn băn khoăn khi tìm hiểu về điển cố, điển tích.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS trình bày theo nội dung đã tìm hiểu, điền vào bảng.  **HS** hoạt động nhóm đôi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **Chọn 1 cặp đôi lên trình bày.**  **B4. Kết luận, nhận định (GV)**  - HS nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | |  |  |  | | --- | --- | --- | | K (Những điều em đã biết) | W (Những điều em muốn học) | L (Những điều em học được) | | \* Khái niệm:  - Điển cố: Là những câu chữ trong sách đời trước được dẫn lại một cách súc tích.  - Điển tích: Là những câu chuyện trong sách đời trước được dẫn lại một cách cô đúc trong văn thơ. | - Tác dụng của điển cố, điển tích. |  | |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập (Thực hành)** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Nhận biết các điển cố, điển tích.  - Nêu nguồn gốc, nghĩa của điển cố điển tích.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng trò chơi và thảo luận nhóm.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ***Bài tập 1: \* Trò chơi: Ai nhanh hơn***  - Chia lớp ra làm 2 nhóm (Dãy A; Dãy B):  **-** Các hs cử đại diện cho mỗi nhóm (4-5 hs), chơi tiếp sức.  **Nối cột A và B:**    **Bài tập 2: Thảo luận nhóm: GV chia 4 nhóm (Làm việc cá nhân 4p, thảo luận nhóm 4p)**    ***Nhận xét chung về tác dụng của việc sử dụng điển cố, điển tích?***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Làm việc theo các bước hướng dẫn ở trên.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  **\* Bài tập 1**: Hs lên bảng ghi kết quả.  **\* Bài tập 2:**  **- Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm:**  **+ Cách thức: mỗi nhóm trình bày 1 nội dung. Gv hỗ trợ: Chụp ảnh nội dung thảo luận của nhóm, chiếu trên màn hình.**  **- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.**  **\* DỰ KIẾN SẢN PHẨM:**  **- Bài 1: a – 2; b – 3; c – 4; d – 1**  **- Bài 2: a) Bể dâu: T**rong câu chuyện ông Vương Phương Bình tu tiên học đạo, khi đắc đạo, Phương Bình giáng xuống nhà Thái Kinh, cho sứ giả mời tiên nữ Ma Cô đến để hỏi về thời gian cách biệt. Ma Cô tiên nữ trả lời rằng: “Từ khi biết ông đến nay, đã thấy ba lần biển xanh biến thành ruộng dâu”. Mượn từ thành ngữ “thương hải biến vi tang điền” của Trung Hoa, người Việt đã chuyển dịch và rút gọn thành nhiều biến thể khác nhau (như “dâu bể”, “biển dâu”, “bãi bể nương dâu”, “cồn dâu hóa bể”…) để chỉ những thay đổi lớn lao trong cuộc đời.  **b) Mắt xanh**: Nguyễn Tịch, người đời nhà Tấn, là người rất ưa rượu và đàn. Làm quan rồi cáo bịnh về nhà. Nguyễn Tịch lại có một thái độ lạ lùng. Khi tiếp khách hễ là hạng quân tử, là hạng người vừa lòng mình thì Nguyễn Tịch nhìn thẳng bằng tròng mắt xanh; trái lại khách là kẻ tầm thường, người không vừa lòng mình thì ông nhìn bằng đôi tròng trắng. Do điển tích đó, sau này người ta dùng chữ "Mắt xanh" để chỉ sự bằng lòng, vừa ý.  \* Tác dụng của điển cố, điển tích: Làm cho lời thơ cô đọng, hàm súc, mang tính bác học.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang phần tiếp theo. | |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.  **b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  **d) Tổ chức thực hiện**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  **- Bài tập 3- SGK:**    - Tìm thêm ít nhất 2 điển cố, 2 điển tích (trong các tác phẩm đã học): Nêu nguồn gốc, ý nghĩa.  - Nộp sản phẩm bằng giấy kiểm tra hoặc trên phần mềm Padlet.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.  **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và lên kế hoạch làm bài.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.  **HS** nộp sản phẩm cho GV theo hướng dẫn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài sau. | |

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:**

**KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**

* ***Nguyễn Du –***

** **

**I. MỤC TIÊU**

***1 Về kiến thức:***

- Qua tâm trạng buồn tủi, cô đơn và nỗi niềm thương nhớ của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, cảm nhận tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của nàng.

- Thấy được nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật của Nguyễn Du: diễn biến tâm trạng được thể hiện qua nghệ thuật tả cảnh ngụ tình và ngôn ngữ độc thoại trong văn bản.

***2 Về năng lực:***

- Đọc- hiểu, phân tích văn bản truyện thơ trung đại

- Phân tích tác dụng của ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong bài

- Phân tích tâm trạng nhân vật qua một đoạn trích.

- Năng lực xác định giá trị, năng lực lắng nghe tích cực, năng lực tư duy sáng tạo, giao tiếp, hợp tác.

***3 Về phẩm chất:***

***-*** Căm phẫn khinh bỉ bọn buôn thịt bán người, đau đớn xót xa trước cảnh con người bị chà đạp.

- HS biết yêu thương, trân trọng, cảm thông với số phận người phụ nữ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh minh họa về tác phẩm “Kiều ở lầu Ngưng Bích”

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Hoạt động mở đầu**

**a) Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS tìm hiểu bài

**b) Nội dung:** Thực hiện yêu cầu GV đưa ra

- GV: Cho HS tham gia hoạt động “Ô cửa bí mật” và trả lời câu hỏi: “Qua bức tranh trên em hãy cho biết Kiều đang ở đâu?”

**c) Sản phẩm:** HS trình bày được đúng yêu cầu của giáo viên.

- HS: HS trình bày trước lớp đáp án của mình.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** Viết ra giấy

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS báo cáo kết quả

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- GV dẫn dắt: ***Gia đình gặp tai hoạ,*** ***Kiều phải bán mình cứu cha và em. Tưởng là bán mình làm vợ lẽ không ngờ bị Mã Giám Sinh, Sở Khanh lừa gạt bán vào lầu xanh.Ở đó Tú Bà bắt nàng tiếp khách làng chơi Kiều nhất quyết không chịu nên đã bị Tú Bà mắng nhiếc, đánh đập; đau đớn, phẫn uất, tủi nhục nàng định tự vẫn. Tú Bà sợ Kiều chết thì mất cả chì lẫn chài nên tìm cách xoa dịu, lập kế đưa Kiều ra ở tạm lầu Ngưng Bích để chờ dịp tìm người đứng đắn sẽ gả cho nhưng thực chất là bày mưu nham hiểm, giam lỏng nàng để thực hiện âm mưu mới đê tiện hơn. Đoạn trích: “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một bức tranh tâm tình đầy xúc động. Đoạn trích giúp ta cảm nhận được tấm lòng chung thuỷ với người yêu và tấm lòng hiếu thảo của nàng đối với cha mẹ thật sâu sắc. Đồng thời cho ta thấy được bút pháp tả cảnh ngụ tình bậc thầy của Nguyễn Du.***

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU VĂN BẢN** | |
| **Hoạt động 1: Tác giả, tác phẩm**  **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - HS nhắc lại kiến thức về tác giả.  - Nắm được những nét chung của văn bản (Vị trí, bố cục…)  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi, sử dụng phiếu học tập cho HS làm việc nhóm  - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc và yêu cầu HS đọc.  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  Hướng dẫn HS hoàn thành phiếu học tập  Hướng dẫn HS tham gia hoạt động “Ai nhanh hơn?” điền các từ còn thiếu để hoàn thiện văn bản.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc nhóm 4 phút  HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập.  - HS làm việc theo nhóm để hoàn thiện văn bản và tìm ra nhóm dành chiến thắng  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | 1. Đọc và tìm hiểu chú thích  - HS đọc đúng, truyền cảm.  2. Tìm hiểu chi tiết  \* **Vị trí**: Đoạn trích nằm ở phần thứ 2( Gia biến và lưu lạc)  Gồm 22 câu(từ câu 1033 đến câu 1054) sau đoạn Mã Giám Sinh lừa Thúy Kiều. Kiều bị nhốt ở lầu xanh nàng định tự vẫn Tú Bà giả vờ hứa hẹn đợi Kiều bình phục sẽ gả chồng cho nàng vào nơi tử tế, rồi đưa Kiều giam lỏng ở lầu Ngưng Bích  **\* Bố cục Gồm 3 phần:**  Phần 1(6 câu đầu): Hoàn cảnh cô đơn tội nghiệp của nàng Kiều ở lầu Ngưng Bích  Phần 2 (8 câu tiếp): Nỗi thương nhớ cha mẹ và người yêu  Phần 3 (8 câu cuối): Tâm trạng buồn đau lo âu tuyệt vọng của Kiều.  **\*Nhân vật:** Thúy Kiều  **\* Sự việc được kể:** Miêu tả tâm trạng của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của nàng |
| **II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN** | |
| **1. Khung cảnh thiên nhiên và tâm trạng của Thúy Kiều (6 câu đầu).** | |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS phân tích**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS  **-** HS cảm nhận được được tâm trạng của Thuý Kiều qua khung cảnh thiên nhiên ở lầu Ngưng Bích.  **-** Nhận diện và phân tích được tác dụng của các biện pháp nghệ thuật  **b) Nội dung:** GV sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn cho HS thảo luận, kĩ thuật đặt câu hỏi ,sử dụng phiếu học tập cho HS làm việc nhóm  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn nếu cần  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập của HS  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm (Kĩ thuật khăn trải bàn):      GV đưa ra cho HS một số câu ca dao thể hiện tâm trạng của con người qua không gian và thời gian.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS: 2 phút làm việc cá nhân, 4 phút làm việc nhóm  GV theo dõi, hỗ trợ cho HS  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu đại diện một nhóm lên trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  +GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS  GV nhận xét, bổ sung  - Không gian: được miêu tả qua cái nhìn của Thúy Kiều.  + Đặc điểm: bát ngát, núi xa, cát vàng, trăng lạnh, cồn cát nối tiếp nhau, mù mịt trong bụi hồng.  -> Không gian mênh mông, hoang vắng, rợn ngợp không có bóng người, cảnh vật trơ trọi-> lầu Ngưng Bích chơ vơ,giam hãm một thân phận đơn độc, nhỏ bé.  + Nghệ thuật: phép đối(cồn nọ- dặm kia)-> mở không gian ra nhiều phía ( chiều cao, rộng,và chiều xa)  ***“ Bẽ bàng*** *mây sớm đèn khuya*  *Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng*”  - Thời gian: dằng dặc từ sáng tới khuya,  nàng chỉ biết làm bạn với mây buổi sớm, đèn buổi khuya, hết sáng lại tối - > gợi thời gian tuần hoàn khép kín trôi đi đơn điệu.  -> Kiều cô đơn tuyệt đối từ sớm tới khuya trong không gian lạnh lẽo hoang vắng .  =>Thuý Kiều trong tâm trạng bẽ bàng,cô đơn, buồn tủi, xấu hổ đối diện với mây sớm, đèn khuya nàng càng thêm thấm thía cái "bẽ bàng"của thân phận .Cảnh ấy, tình ấy làm lòng Kiều tan nát.  - NT: Tả cảnh ngụ tình.  => Càng gợi cho nàng nhớ đến cha mẹ và người yêu trong sự thất vọng đến sợ hãi.Ngoài ra, tác giả còn dùng nghệ thuật liệt kê, phép đối lập làm cho cảnh vật hiện ra bốn bề bát ngát mênh mông đối lập với lòng người cô đơn trống vắng nơi xứ người. | \* Khung cảnh thiên nhiên  - Không gian: non xa, trăng gần, bốn bề bát ngát, cồn cát, dặm đường ...  Không gian mở ra cả ba chiều: Chiều rộng, chiều cao, chiều sâu  Không gian tự nhiên mênh mông, trống trải, hoang vắng, rợn ngợp ...  - Thời gian: dằng dặc từ sáng tới khuya gợi thời gian tuần hoàn khép kín trôi đi đơn điệu.    NT tả cảnh ngụ tình.  \* Tâm trạng của Kiều  - Đảo ngữ đưa từ láy “Bẽ bàng” lên đầu=> Từ láy có sức gợi cảm lớn. Nhấn mạnh cảm giác tủi hổ, đau đớn, xót xa trong cảnh ngộ sa chân vào chốn lầu xanh.  - Cụm từ “mây sớm đèn khuya”  + Sớm – làm bạn với mây  + Khuya – trò chuyện với đèn.  => Gợi cảnh con người bị giam hãm tù túng trong vòng tuần hoàn khép kín của thời gian  - Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác + Tiểu đối: “Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”  => Nỗi cô đơn, buồn tủi, đau khổ, tuyệt vọng của nàng Kiều trước cảnh lầu Ngưng Bích. |
| **2. Nỗi nhớ của Thúy Kiều (8 câu tiếp)** | |
| **Hoạt động 3: Hướng dẫn HS phân tích**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS cảm nhận được nỗi nhớ Kim Trọng và cha mẹ của Thuý Kiều. Từ đó thấy được tâm trạng của nàng qua việc sử dụng ngôn từ, các biện pháp nghệ thuật trong văn bản.  **b) Nội dung:** GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi, sử dụng phiếu học tập, tổ chức hoạt động nhóm cho HS  HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, làm phiếu bài tập.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV:**yêu cầu HS xem video, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập  GV đặt câu hỏi:  ?Thúy Kiều lần lượt nhớ tới ai? Theo em trình tự nỗi nhớ ấy có hợp lý không? Vì sao?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Học sinh suy nghĩ, thảo luận hoàn thành phiếu học tập. Mỗi nhóm là một dãy bàn:1 câu hỏi .    **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trình bày. GV nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.  - HS trả lời. GV nhận xét, bổ sung  -Xót: Kiều thương xót cha mẹ ngày đêm tựa cửa ngóng chờ con mà vẫn bặt vô âm tín.  -NT: sử dụng thành ngữ ***“Quạt nồng ấp lạnh”,*** điển cố, điển tích***: “Sân lai gốc tử”***.  => Khắc hoạ tâm trạng nhớ thương và tấm lòng hiếu thảo của nàng: Lo lắng cha mẹ già yếu ở nhà không có ai phụng dưỡng chăm sóc.  - Hình ảnh: ***“Cách mấy nắng mưa”***  + Sự xa cách vời vợi, sự tàn phá của nắng mưa đối với cảnh vật -> cảnh quê nhà đã thay đổi.  + Cha mẹ nàng ngày một già yếu.  ->Kiều càng thấy xót xa cho cha mẹ.  **KL:** Quên đi cảnh ngộ của mình để nghĩ cho Kim Trọng và cha mẹ, Thuý Kiều là người thuỷ chung, hiếu thảo, có lòng vị tha đáng trân trọng.  - GV: Cảm nhận của em về nhân vật Thúy Kiều?  Thúy Kiều là người tình chung thủy, là người con hiếu thảo, luôn nghĩ và sống cho người khác, là người có tấm lòng vị tha đáng trân trọng.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án. | **\*** Nỗinhớ về Kim Trọng  - Khi nghĩ về Kim Trọng, nàng  nhớ đến lời thề đôi lứa.  -Tưởng: Hình dung Kim Trọng đang ở trước mặt mình, đang trò chuyện với mình  Nàng tưởng tượng Kim Trọng đang mong nhớ, ngóng trông tin tức của mình trong vô vọng: *"tin sương...mai chờ"*  - “*Tấm son gột rửa bao giờ cho phai*” có thể hiểu theo 2 cách:  + Nhớ thương Kim Trọng không bao giờ quên.  + Tấm son trong trắng của Kiều bị hoen ố, không gột rửa được.  => Kiều day dứt, sầu khổ.  => Lời thơ ít, ý thơ nhiều => ngôn ngữ độc thoại nội tâm.  \*Nỗi nhớ cha mẹ  (Đau xót, lo lắng, nhớ nhung)  - Thành ngữ “*quạt nồng ấp lạnh*”  + Điển tích “*Sân Lai*”  🡪 Gợi nhắc tấm gương những người con hiếu thảo  🡺 Băn khoăn, lo lắng, không biết ai sẽ chăm sóc cha mẹ, tự trách mình không trọn đạo  + Điển cố “*gốc tử*” = gốc cây thị 🡪 Nhớ quê hương (giống nước ta dùng hình ảnh lũy tre)  - “*Cách mấy nắng mưa*” - ẩn dụ: vừa nói thời gian, vừa gợi không gian: xa cách, tưởng tượng ra sự thay đổi của quê nhà.  Ngôn ngữ độc thoại  -Với Kim Trọng: đau đớn, xót xa của một người chung thủy, trọn tình. Người tình chung thuỷ  - Với cha mẹ: xót thương da diết, day dứt khôn nguôi Người con hiếu thảo.  Nhân vật hiện lên là người trọng tình, trọng nghĩa, đáng quý trọng. |
| **3. Tâm trạng buồn, lo âu của Thúy Kiều (8 câu cuối)** | |
| **NV2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV** yêu cầu: HS đọc tám câu thơ cuối.  **- GV**đặt câu hỏi.  ? Phân tích những nghệ thuật đặc sắc trong 8 câu thơ cuối?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời theo nhóm bàn.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trả lời. GV nhận xét, bổ sung  - Đây là bức tranh tả cảnh ngụ tình. Mỗi cảnh trong bức tranh đều có điểm chung: tả nỗi buồn của một tâm trạng cô đơn, buồn tủi.  - Tuy nhiên mỗi cặp câu -> một nỗi nhớ, nỗi buồn  +) “Thuyền... thấp thoáng... xa xa” -> thân phận bơ vơ nơi đất khách, nhớ đến quê hương, cha mẹ, người yêu gợi lên từ cảnh chiều tà bên bờ biển.  +) “Cánh hoa trôi... biết là về đâu” -> số phận chìm nổi long đong vô định, không biết đi dâu về đâu.  +) “Ngọn cỏ dầu dầu”“Chân mây mặt đất “xanh xanh”-> héo úa, mịt mờ.  -> Nỗi đau tê tái trong lòng.  +) Tiếng gió, tiếng sóng kêu quanh “ghế ngồi” -> âm thanh dữ dội -> biểu tượng tai hoạ khủng khiếp sắp giáng xuống -> nỗi lo sợ hãi hùng.  **TL:** Tâm trạng cô đơn,thân phận vô định,nỗi buồn tha hương,nỗi nhớ ng yêu và cha mẹ cùng sự bàng hoàng lo sợ. hãi hùng, bế tắc, tuyệt vọng, và cũng báo trước một duyên phận sẽ bị xô đẩy vùi dập không biết rồi sẽ đi đâu về đâu.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án. | -Điệp ngữ “Buồn trông”  - NT ẩn dụ, từ láy, từ t­ượng thanh  => Tạo âm h­ưởng trầm, buồn. Nâng mức cảm xúc của Kiều lên nhiều tầng ý nghĩa.  - Đối: Cửa biển >< Con thuyền  (Đặt cái nhỏ bé, đơn lẻ trên nền hông gia rộng lớn)  🡪Tâm trạng cô đơn, lẻ loi của Kiều  - “Cánh buồm xa xa”: thân phận bơ vơ, trôi nổi nơi đất khách quê người  => Nỗi buồn da diết nhớ về quê nhà xa cách của Kiều. (Nỗi buồn tha h­ương)  - “Hoa trôi”:  => Hình ảnh ẩn dụ: nỗi buồn về số phận “bọt bèo” lênh đênh, vô định.  Câu hỏi tu từ + “về đâu”  =>Nỗi niềm băn khoăn, day dứt của Kiều về số phận của mình, như đóa hoa bé nhỏ kia không biết đi về đâu giữa dòng đời vô định  - “rầu rầu” và “xanh xanh”:  => Từ láy: Nỗi bi thương, vô vọng, lụi tàn, héo úa kéo dài không biết đến bao giờ.  => Tương lai mịt mờ không lối thoát, thân phận bé nhỏ không biết đi về đâu.  - “Gió cuốn mặt duyềnh”: Dữ dội, bão tố  - “Ầm ầm”: Từ tượng thanh chỉ tâm trạng hãi hùng, lo sợ tr­ước giông bão của số phận sẽ đến xô đẩy và vùi dập cuộc đời Kiều.  - “Kêu quanh ghế ngồi”: Thiên nhiên dữ dội , đầy sức mạnh đang bủa vây lấy Kiều 🡪 Lo sợ,bàng hoàng về những song gió sắp ập đến 🡪 Nhạy cảm  => Với nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, điệp ngữ liên hoàn cùng với những từ ngữ, hình ảnh chọn lọc tinh tế, phép đối, ẩn dụ, câu hỏi tu từ, đảo ngữ, tác giả đã xây dựng một bức tranh tâm trạng đặc sắc, nỗi buồn đau của Kiều như lan tỏa sang cảnh vật đã xâm chiếm lòng nàng. |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **Hoạt động 4: Hướng dẫn tổng kết**  **a) Mục tiêu:** Học sinh biết cách tổng kết nội dung kiến thức bài học.  **b) Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.  **c) Sản phẩm:** Đáp án của HS  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV:**Khái quát lại những nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản?  **- GV:**Nêu nội dung và ý nghĩa văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**   -HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.  **-Bước 4: Kết luận, nhận định:**   Giáo viên nhận xét, đánh giá  - HS đọc ghi nhớ trong  sgk. | **1.Nghệ thuật**  - Miêu tả nội tâm bằng ngôn ngữ độc thoại  - Tả cảnh ngụ tình  - Thành ngữ, điển cố, điệp ngữ, từ láy, ẩn dụ, từ tượng thanh biểu cảm.  **2. Nội dung:**  - Cảnh ngộ cô đơn buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Kiều. |

**3. HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Trả lời các câu hỏi của GV

**d) Tổ chức thực hiện:**

***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

***b) Nội dung:*** HS tham gia trò chơi “Lật mảnh ghép” .

***c) Sản phẩm:*** Khám phá được nhân vật lịch sử bên trong các mảnh ghép

***d) Tổ chức thực hiện***

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**- GV:**Yêu cầu HS đọc rõ luật chơi

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Học sinh suy nghĩ trả lời 5 câu hỏi tương ứng với 5 mảnh ghép

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS trình bày kiết quả.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

 Giáo viên nhận xét, đánh giá

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Nội dung:**GV tổ chức cho HS làm các bài tập

**c) Sản phẩm:**Đáp án của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Em hãy trình bày những phẩm chất xưa và nay của người phụ nữ Việt Nam ?

Theo em phẩm chất nào là quan trọng nhất? Vì sao?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

 Giáo viên nhận xét, đánh giá

* Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài sau:
* Vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài học
* Nêu cảm nhận của em về tâm trạng của Thúy Kiều khi ở lầu Ngưng Bích qua nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật của Nguyễn Du.
* Đọc và chuẩn bị bài: Viết:“Phân tích một đoạn trích tác phẩm văn học”

**VIẾT**

**PHÂN TÍCH MỘT ĐOẠN TRÍCH TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**\* Năng lực cốt lõi:**

- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học, đối tượng là một đoạn trích gắn liền với đối tượng thơ Nôm, đảm bảo yêu cầu về hình thức, nội dung.

- Sử dụng năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học để phân tích được một tác phẩm thơ: nêu được chủ đề; dẫn và phân tích được một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

- Rèn luyện kĩ năng phân tích tác dụng của hình thức thơ.

- Biết thể hiện được những ấn tượng, suy nghĩ và tình cảm sâu sắc về các yếu tố nội dung hay đặc sắc nghệ thuật trong bài thơ.

- HS biết viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu), tìm ý, lập dàn ý, viết, chỉnh sửa đoạn văn đã viết, rút kinh nghiệm cho bản thân.

**\* Năng lực chung:** Giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**2. Về phẩm chất:**

- Biết trân trọng những giá trị văn học, có thêm góc nhìn, cảm xúc mới về các văn bản văn học.

- Biết cảm nhận, rung động trước vẻ đẹp của cuộc sống và con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, bài trình bày của HS.

2. Học liệu: SGK, sách tham khảo, phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**1**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**2. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  1. Kĩ thuật trình bày 01 phút:  **Yêu cầu**:  - *Nêu tên một tác phẩm truyện thơ Nôm mà em yêu thích (trong SGK hoặc ngoài SGK). Hãy đưa ra một vài lời đánh giá về tác phẩm thơ đó.*  2. *Sau khi đọc hiểu một tác phẩm truyện thơ Nôm bài thơ, chúng ta cần lưu ý những điều gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS nhớ lại kiến thức, phát biểu.  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  HS nhận xét phần phát biểu của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV đặt ra vấn đề của bài học: *Làm thế nào để viết bài văn phân tích đoạn trích từ một tác phẩm lớn? Tiết học hôm nay cô trò ta cùng tìm hiểu.* | \*HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân.  - HS đọc các bài thơ đã sưu tầm, lưu tập san.  - HS có thể nêu ý kiến đánh giá của bản thân hoặc của các nhà nghiên cứu khác.  \* **Để viết bài văn phân tích đoạn trích từ một tác phẩm lớn (ở đây là truyện thơ Nôm:** *Truyện Kiều* hoặc *Truyện Lục Vân Tiên*), các em cần chú ý:  - Đọc kĩ đoạn trích, chú ý đặc điểm thể loại truyện thơ Nôm đã học và xác định rõ vị trí đoạn trích trong tác phẩm.  - Xác định nội dung và các yếu thố hình thức nổi bật. Chỉ ra mối quan hệ giữa hình thức và nội dung; từ đó, làm rõ giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm.  - Xác định luận đề và các luận điểm trong bài viết, lựa chọn bằng chứng từ đoạn trích cho mỗi luận điểm.  - Suy nghĩ, nhận xét về ý nghĩa và sự tác động của các tác phẩm đối với người đọc cũng như bản thân em. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Mục tiêu**: HS hiểu yêu cầu đối với bài văn phân tích một đoạn trích gắn với truyện thơ Nôm.

**2. Nội dung**: HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài văn phân tích một đoạn trích trong một truyện thơ Nôm.**  **( Sử dụng kĩ thuật KWL-PT năng lực tự học của HS**)  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Lớp 8 (Bài 7, em đã học cách viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ), Vậy em biết gì về phân tích một tác phẩm thơ?**  **?SGK Ngữ Văn 9 tập 1 trang 48, chú ý điều gì khi viết bài văn phân tích đoạn trích từ một tác phẩm lớn (ở đây là truyện thơ Nôm)**  **? Ở dạng bài: Viết bài văn phân tích đoạn trích từ một tác phẩm truyện thơ Nôm em muốn biết điều gì?**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, dựa vào phần chuẩn bị ở nhà trả lời những điều đã biết và muốn biết.  - GV quan sát, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi HS phát biểu.  - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  Giáo viên nhận xét, khích lệ, bổ sung. | **1. Định hướng**  **1.1. Khái niệm**  (**Nộp phiếu học tập đã làm ở nhà)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | K | W | L | | - Phân tích một tác phẩm thơ là chỉ ra và làm rõ những điểm nổi bật (thành công, có thể cả hạn chế) trong nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.  - Người viết cũng có thể đi sâu tìm hiểu từng vấn đề, nêu những nhận xét riêng của bản thân về tác phẩm.  - Tác phẩm thơ có thể là bài thơ hoặc tập thơ.  - Đọc kĩ đoạn trích, chú ý đặc điểm thể loại truyện thơ Nôm đã học và xác định rõ vị trí đoạn trích trong tác phẩm.  - Xác định nội dung và các yếu tố hình thức nổi bật. Chỉ ra mối quan hệ giữa hình thức và nội dung; từ đó, làm rõ giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm.  - Xác định luận đề và các luận điểm trong bài viết, lựa chọn bằng chứng từ đoạn trích cho mỗi luận điểm.  - Suy nghĩ, nhận xét về ý nghĩa và sự tác động của các tác phẩm đối với người đọc cũng như bản thân em. | - Các bước làm dạng bài viết bài văn phân tích một đoạn trích từ một tác phẩm truyện thơ Nôm.  + Cách tìm ý, lập dàn ý.  + Kỹ năng viết bài |  |     **1.2. Điều cần chú ý**  - Đọc kĩ tác phẩm, chú ý xác định nội dung và các yếu tố hình thức nổi bật.  - Chỉ ra giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm, nhất là các sáng tạo độc đáo của người viết.  - Xác định các luận điểm trong bài viết, lựa chọn các bằng chứng từ bài thơ cho mỗi luận điểm.  - Liên hệ, so sánh với các bài thơ có cùng đề tài, chủ đề, thể loại để làm sáng tỏ thêm giá trị của bài thơ được phân tích.  - Suy nghĩ, nhận xét về những thành công và hạn chế (nếu có) của bài thơ, về giá trị, sự tác động của tác phẩm đối với người đọc cũng như bản thân em. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC**

**1. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao:

- HS xác định được mục đích của bài viết phân tích một đoạn thơ trong tác phẩm truyện thơ Nôm. Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.

- Viết được một bài văn phân tích đoạn trích trong tác phẩm truyện thơ Nôm.

**2. Nội dung**: Chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**GV kiểm tra việc thực hiện phiếu học tập 01,02 ở nhà của HS (đã giao từ tiết trước)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập 01: Chuẩn bị**  Đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu của đề bài: **Bài tập: Phân tích đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích (trích Truyện Kiều của Nguyễn Du)** | |
| - Dạng bài cần triển khai là gì? | ........................................................... |
| Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* về truyện thơ Nôm, nội dung đọc hiểu văn bản *Kiều ở lầu Ngưng Bích*, chú ý xuất xứ để biết nội dung câu chuyện trước và sau của đoạn trích. | ...........................................................  ........................................................... |
| - Xác định nội dung và hình thức nghệ thuật nổi bật nhất của văn bản (chú ý đặc điểm thơ lục bát trong tác phẩm *Truyện Kiều*). | ...........................................................  ........................................................... |
| Em dự định sẽ dùng những bằng chứng nào cho bài viết? | ...........................................................  ........................................................... |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 02- PHIẾU TÌM Ý**  **Tìm ý cho bài viết bằng cách trả lời câu hỏi** | |
| **Định hướng** | **Dự kiến** |
| 1. + Nội dung chính của đoạn trích là gì? | - Đoạn trích đã miêu tả chân thực cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi, đáng thương, nỗi nhớ người thân da diết và tấm lòng thủy chung,… |
| 2. + Nghệ thuật của đoạn trích có gì đặc sắc? | - Thể thơ lục bát cổ truyền; Nghệ thuật miêu tả nội tâm đặc sắc với bút pháp tả cảnh ngụ tình tinh tế kết hợp các biện pháp tu từ quen thuộc (ẩn dụ, nhân hóa, từ láy, thành ngữ ...) |
| 3. Các yếu tố hình thức nghệ thuật ấy đã làm thay đổi nội dung của đoạn trích như thế nào? | Tác dụng: thể hiện nội dung: |
| 4. Qua đoạn trích, Nguyễn Du đã thể hiện được tấm lòng (chữ *tâm*) và tài năng (chữ *tài*) như thế nào? | => Thông qua hình ảnh cô đơn, nỗi buồn chua xót, lo sợ vô vọng, sự nhớ thương gia đình của kiều. Tác giả đã bày tỏ sự cảm thương,… |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03: Phiếu lập dàn ý**  **(Sắp xếp các ý đã tìm được theo bố cục ba phần)** | |
| **Mở bài** | - Giới thiệu khái quát về “*Truyện Kiều”* và đoạn trích “*Kiều ở lầu Ngưng Bích”*. |
| **Thân bài** | + Nêu tóm tắt bối cảnh câu chuyện trước đoạn *Kiều ở lầu Ngưng Bích* và chủ đề, âm hưởng bao trùm đoạn trích này.  + Phân tích khung cảnh gợi nỗi nhớ của Thuý Kiều qua đoạn mở đầu (từ đầu đến “Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”). Chú ý nghệ thuật lựa chọn không gian, thời gian và các hình ảnh.  + Phân tích nỗi nhớ thương của Thuý Kiều qua đoạn tiếp theo (từ “Tưởng người dưới nguyệt chén đồng” đến “Có khi gốc tử đã vừa người ôm?”). Chú ý nghệ thuật lựa chọn ngôn từ và bút pháp miêu tả độc thoại nội tâm nhân vật.  + Phân tích diễn biến tâm trạng của Thuý Kiều qua tám dòng thơ cuối. Chú ý các biện pháp nghệ thuật: điệp ngữ, lựa chọn hình ảnh, không gian và thời gian, câu hỏi tu từ,… |
| **Kết bài** | - Nêu những suy nghĩ và cảm xúc của bản thân về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích.* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hướng dẫn HS thực hành về kiểu bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  (1*)* Em cần chuẩn bị những nội dung gì cho việc viết bài văn phân tích bài thơ“*Vịnh khoa thi Hương*” của Trần Tế Xương  GV chiếu **PHIẾU HỌC TẬP 01** để HS theo dõi và thực hiện những nội dung cần chuẩn bị trước khi viết (nội dung này đã chuẩn bị ở nhà)   * HS trao đổi theo **hình thức cặp đôi**   *(2) Hãy tìm ý cho bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:*  GV chiếu **PHIẾU HỌC TẬP 02,** cho HS cùng thống nhất **thảo luận nhóm** trong 5 phút sau đó cử đại diện trình bày.  *(3)Với các ý đã tìm được hãy sắp xếp, xây dựng dàn ý phù hợp:* Phiếu học tập 03- **cặp đôi**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Thảo luận nhóm thống nhất nội dung phiếu học tập.  **GV** quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV yêu cầu đại diện các nhóm học sinh trình bày theo kĩ thuật công đoạn:  **+** Kết quả bước chuẩn bị  **+** Kết quả tìm ý  **+** Lập dàn ý  - Đại diện các nhóm trả lời và bổ sung cho nhau  **Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV)**  - Nhận xét, đánh giá thái độ làm việc của HS, dẫn vào bài. | **2. Thực hành**  **2.1. Thực hành viết theo các bước**  **Đề bài: Phân tích đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” (trích Truyện Kiều của Nguyễn Du)**  **a. Bước 1: Chuẩn bị:** Xác định yêu cầu của đề bài.  - Kiểu bài: nghị luận (về tác phẩm thơ)  - Vấn đề nghị luận:  **Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” (trích Truyện Kiều của Nguyễn Du)**  - Về nội dung bài viết: làm rõ đặc sắc về nội dung (chủ đề) và nghệ thuật của đoạn thơ. Nêu được cảm nhận của bản thân về đoạn thơ.  - Về phạm vi dẫn chứng: Sử dụng dẫn chứng trong đoạn thơ và các tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du.  **b.** **Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**  **\* Tìm ý:**  ***\* Lập dàn ý:***  - Nội dung chính: Đoạn trích đã miêu tả chân thực cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi, đáng thương, nỗi nhớ người thân da diết và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo vị tha của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.  - Đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích: Thể thơ lục bát cổ truyền; Nghệ thuật miêu tả nội tâm đặc sắc với bút pháp tả cảnh ngụ tình tinh tế kết hợp các biện pháp tu từ quen thuộc (ẩn dụ, nhân hóa, từ láy, thành ngữ ...); Ngôn ngữ độc thoại, điệp ngữ “buồn trông”… kết hợp với các hình ảnh đứng sau diễn tả nỗi buồn với nhiều sắc độ khác nhau.  - Các yếu tố hình thức nghệ thuật ấy nhằm thể hiện tâm trạng buồn đau, cô đơn hiu quạnh trước khung cảnh thiên nhiên cùng bao nỗi nhớ ùa về trong lòng Kiều khi ở lầu Ngưng Bích.  - Thông qua hình ảnh cô đơn, nỗi buồn chua xót, lo sợ vô vọng, sự nhớ thương gia đình của Kiều. Tác giả đã bày tỏ sự cảm thương, đau xót đối với số phận nghiệt ngã của Kiều hay chính là số phận của những người phụ nữ phong kiến. Đồng thời tác giả ngợi ca tấm lòng thủy chung son sắt, nhân hậu của người phụ nữ Việt Nam. |

**\* Lập dàn ý: *Lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần: (Phiếu học tập số 03)***

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03: Phiếu lập dàn ý**  **(Sắp xếp các ý đã tìm được theo bố cục ba phần)** | |
| **Mở bài** | - **Giới thiệu tác giả** :Nguyễn Du - Đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, người có “*con mắt nhìn thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời*”  - **Giới thiệu tác phẩm “Truyện Kiều” và đoạn trích** : “*Truyện Kiều*” là tác phẩm thành công nhất của ông; đoạn trích “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*” được trích từ “*Truyện Kiều*” diễn tả tinh tế, sâu sắc tâm trạng của Thúy Kiều trước cảnh vật.  **- Ý kiến chung về đoạn trích**: Đoạn trích “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*” thuộc vào phần hai “*Gia biến và lưu lạc*”. Trích đoạn là khúc tâm tình đầy xúc động của cô gái trẻ lần đầu bước ra khỏi chốn “*êm đềm trướng rủ màn che*”. Với nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, đoạn thơ như bản đàn nhiều cung bậc tâm trạng của nàng. Đó là nỗi cô đơn, buồn tủi, là tấm lòng thủy chung, hiếu thảo nàng dành cho người yêu và cha mẹ. |
| **Thân bài** | **1. Nội dung chính của đoạn trích.**  **-** Dù đang miêu tả bức tranh tâm cảnh, là cảm xúc chủ đạo nhưng lí trí của nhà thơ vẫn sáng suốt khi xây dựng một kết cấu khá khoa học và chặt chẽ. Phần đầu là quang cảnh ở lầu Ngưng Bích; phần hai, trong nỗi nhớ nhung, cô đơn, sầu tủi, nàng nhớ về Kim Trọng và cha mẹ; và phần cuối là tâm trạng đau khổ khi nghĩ đến tương lai nhiều tai ương, sóng gió sẽ ập đến trong cuộc đời nàng  **2. Phân tích đoạn trích:**  **a. Luận điểm 1: Bức tranh khung cảnh ở Lầu Ngưng Bích.**  - Quang cảnh trong những vần thơ đầu đem đến cảm giác hoang vu, vắng lặng đến buồn thảm. Đứng trên lầu cao, nhìn ra phía xa là những dãy núi, nhìn lên cao là vầng trăng cô đơn giữa trời. Bốn bề xung quanh cũng chỉ là cồn cát bay mịt mù. Tất cả như tô đậm thêm nỗi quạnh vắng, cô quạnh đang xâm lấn trong tâm hồn nàng.  *Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân* *Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung* *Bốn bề bát ngát xa trông* *Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia*  Cảnh buồn khiến lòng người thêm lẻ loi, hiu quạnh hay lòng người vốn nặng trĩu ưu tư nên nỗi sầu muộn như lan tỏa, thấm đẫm vào cảnh vật:  *Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,* *Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.*  Một từ láy “*bẽ bàng*” nhưng đã diễn tả được thật chân xác nỗi lòng nàng Thúy Kiều. Đó hẳn là tâm trạng vừa buồn tủi, vừa ngượng ngùng, vừa ê chề, vừa cay đắng, xót xa. Và chính tâm trạng ấy bắt gặp cảnh vật ngoài kia đã làm cõi lòng như càng thêm quặn thắt. Thiên nhiên không còn là những sự vật vô tri, vô giác nữa mà như sống động, có hồn bởi nó là tấm gương phản chiếu tâm trạng cô đơn, sầu tủi của nàng Kiều.  **a. Luận điểm 2: Bức tranh tâm trạng.**  - Từ trong nỗi cô đơn, phiền muộn, nàng hướng về quê hương, gia đình, những người thân quý. Nỗi nhớ đầu tiên, nàng dành cho Kim Trọng. Có lẽ bởi trước đó nàng bán mình chuộc cha để làm tròn chữ hiếu với cha mẹ, chỉ có chữ duyên với Kim Trọng, nàng phải trao lại cho em, nên hẳn trong lòng còn nhiều băn khoăn, day dứt khi để duyên ai phải lỡ làng.  *Tưởng người dưới nguyệt chén đồng.* *Tin sương luống những rày trông mai chờ.* *Bên trời góc bể bơ vơ,* *Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.*  Nhịp thơ như nhịp trái tim yêu đang thổn thức, rỉ máu. Nỗi nhớ ấy thật thiết tha, nồng cháy. Nỗi nhớ trào lên khiến hình ảnh đêm thề nguyền, đính ước hiện ra chân thật, sống động ngay trước mắt nàng. Đó là hiệu quả diễn đạt vượt trội của từ “tưởng” mà Nguyễn Du đã khéo léo sử dụng trong những vần thơ đầu tiên diễn tả nỗi nhớ của nàng Kiều. Mới hôm nào, lứa đôi cùng thề nguyền, hẹn ước dưới trăng, vầng trăng còn đó mà giờ đây đã đôi người đôi ngả. Nàng tưởng tượng chàng Kim vẫn ngày ngóng đêm trông tin nàng trong đau khổ, tuyệt vọng. Nghĩ đến chàng, rồi lại nghĩ đến thân phận của mình, bơ vơ, lưu lạc nơi chân trời góc bể, đất khách quê người, biết bao giờ tấm lòng son sắt, chung thủy của nàng dành cho chàng Kim phai nhạt đi thì lúc ấy, có lẽ nàng mới bớt đau khổ, dằn vặt.  *Xót người tựa cửa hôm mai* *Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ* *Sân lai cách mấy nắng mưa* *Có khi gốc tử đã vừa người ôm*  - Sau nỗi nhớ người yêu đến quặn thắt, nàng càng xót xa khi nghĩ về cha mẹ. Không xót xa sao nổi khi nghĩ đến cảnh cha già, mẹ héo tựa cửa nhìn xa, ngóng trông tin con mòn mỏi. Rồi khi trời oi nóng, biết ai quạt mát cho cha mẹ yên giấc, khi trời giá lạnh, biết ai ấp ủ chăn ấm cho cha mẹ nằm. Các thành ngữ và điển cố “*tựa cửa hôm mai”, “quạt nồng ấp lạnh”, “sân lai”, “gốc tử”* để thể hiện nỗi xót xa, lo lắng, bồn chồn của người con có hiếu dù đang trong hoàn cảnh éo le, vẫn đau đáu nghĩ về cha mẹ trong niềm nhớ thương khôn nguôi.  Nỗi nhớ đầy vơi nàng dành cho những người thân yêu nhất, rồi nàng lại quay về với cảnh ngộ của chính mình. Mỗi cảnh vật đang hiện hữu trước mắt đều như khơi lên trong lòng nàng một nỗi buồn thê lương. Nỗi buồn ấy càng lúc càng nhấn chìm nàng xuống đáy sâu của vực thẳm đau khổ.  *Buồn trông cửa bể chiều hôm,* *Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?* *Buồn trông ngọn nước mới sa* *Hoa trôi man mác biết là về đâu?* *Buồn trông nội cỏ rầu rầu,* *Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.* *Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,* *Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.*  - Bằng lối điệp ngữ liên hoàn “*Buồn trông*”, khổ thơ cuối như bức tranh cảnh buồn không hoang vắng, cô liêu như ban đầu mà nó như tiềm ẩn dự cảm đầy sợ hãi về một tương lai mịt mù, sóng gió, tai họa. Hướng tầm mắt ra xa muôn dặm, tới cửa biển lúc hoàng hôn, có cánh buồm của ai đó nhưng chỉ “*thấp thoáng*” mờ mịt, xa xôi. Cánh buồm ẩn hiện trong bóng chiều giữa mịt mù khói sóng chiều hôm như là hình ảnh con người cô đơn giữa biển đời, lữ thứ, nhiều sóng gió, ba đào. Cùng với nỗi nồi ấy, nàng hướng nhìn tới ngọn nước mới “*sa*”, mới đổ xuống, một cánh hoa rụng, mỏng manh, yếu đuối bị sóng gió đưa đẩy dập dồn, không biết sẽ trôi dạt về phương nào. Hình ảnh cánh hoa rụng, trôi dạt theo con con nước dữ hay là hình ảnh người con gái bị quăng vào cuộc đời khi còn quá trẻ, quá yếu đuối. Rồi nội cỏ cũng nhuốm màu xanh “*rầu rầu*” ảm đạm, u buồn, héo hắt trải dài ra mênh mông, rợn ngợp đến hòa sắc xanh ấy vào sắc của mây trời. Màu không gian hay màu tâm trạng đang hắt hiu, tàn lụi, hết khát khao, hi vọng sống. Những cơn gió thủy triều trào lên mặt biển, tiếng sóng vỗ từ xa bỗng vang dội lên ầm ầm như ập đến “*kêu quanh ghế ngồi*”. Tiếng sóng gió ngoài biển xa mà đổ dội vào chân nàng thì có lẽ nỗi sợ hãi, lo lắng về thân phận, cuộc đời mình không còn là nỗi lo lắng mơ hồ, nỗi buồn quạnh vắng mênh mang nữa mà nó đã biến thành nỗi kinh hoàng khiến tâm hồn nàng hoảng loạn. Tiếng sóng gầm lên “*ầm ầm*” như muốn nhấn chìm con thuyền lẻ loi, nuốt chửng cánh hoa mỏng manh, bé nhỏ, muốn cuốn phăng đi nội cỏ, và dập vùi nàng xuống tận đáy sâu đau khổ, tuyệt vọng.  Mỗi vần thơ là một giọt tâm hồn nhà thơ nhỏ xuống để cảm thương cho số phận người con gái tài hoa, bạc mệnh Thúy Kiều. Cùng với đó, là tài năng nghệ thuật: tả cảnh ngụ tình kết hợp với nghệ thuật điệp ngữ liên hoàn đầu mỗi câu lục và nghệ thuật ước lệ tượng trưng cùng với việc sử dụng nhiều từ láy tượng hình, tượng thanh (thấp thoáng, xa xa, man mác, rầu rầu, ầm ầm) Nguyễn Du đã khắc họa rõ cảm giác u uất, nặng nề, bế tắc, buồn lo về thân phận của Thúy Kiều khi ở lầu Ngưng Bích.  **3.** **Đánh giá đặc sắc về nội dung và nghệ thuật**  **- Về nghệ thuật:** Mỗi vần thơ là một giọt tâm hồn nhà thơ nhỏ xuống để cảm thương cho số phận người con gái tài hoa, bạc mệnh Thúy Kiều. Cùng với đó, là tài năng nghệ thuật: tả cảnh ngụ tình kết hợp với nghệ thuật điệp ngữ liên hoàn đầu mỗi câu lục và nghệ thuật ước lệ tượng trưng cùng với việc sử dụng nhiều từ láy tượng hình, tượng thanh (thấp thoáng, xa xa, man mác, rầu rầu, ầm ầm) Nguyễn Du đã khắc họa rõ cảm giác u uất, nặng nề, bế tắc, buồn lo về thân phận của Thúy Kiều khi ở lầu Ngưng Bích.  **- Về nội dung:** Đoạn trích đã miêu tả chân thực cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi, đáng thương, nỗi nhớ người thân da diết và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo vị tha của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.  **4. Mở rộng- liên hệ:** |
| **Kết bài** | - Có lẽ người đọc sẽ còn khắc ghi mãi ấn tượng về bức tranh ngoại cảnh đồng điệu cùng bức tranh tâm cảnh. Tất cả được vẽ nên bởi một tài năng trác việt, một tấm lòng nhân văn cao đẹp của Nguyễn Du. Vì thế, đoạn trích đã góp phần làm nên sức sống bất tử của kiệt tác “*Truyện Kiều*”. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hướng dẫn viết bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS trên cơ sở dàn ý đã lập thực hành viết với các yêu cầu khác nhau:  + Viết đoạn văn mở bài.  + Viết đoạn kết bài.  + Viết đoạn văn phát triển một ý ở thân bài.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh thực hành viết đoạn văn theo yêu cầu với kĩ thuật công đoạn.  - GV quan sát hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh trình bày kết quả, đánh giá bổ sung cho nhau.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV cho HS đánh giá bài văn theo bảng kiểm đánh giá và cho HS tham khảo một số đoạn văn. | **c. Hướng dẫn viết bài**  **-** Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết.  - Yêu cầu chung khi viết bài:  + Phần *Mở bài* và phần *Kết bài:* mỗi phần viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh.  + Phần *Thân bài:*  ++ Lựa chọn kiểu tổ chức đoạn văn (diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp) cho phù hợp với từng ý triển khai trong Thân bài.  ++ Khi viết, luôn chú ý liên kết các câu trong đoạn và liên kết các đoạn trong bài.  ++ Chú ý kết hợp nhuần nhuyễn giữa sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong khi triển khai các ý của phần *Thân bài* để đảm bảo tính thuyết phục của một bài văn nghị luận.  ++ Chú ý làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trào phúng của bài thơ, không sa vào tóm tắt nội dung. |

**Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn phân tích một đoạn thơ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Mở bài** | Đã giới thiệu được tác giả, bài thơ, đoạn trích. | |  |  |
| **Thân bài** | + Nêu tóm tắt bối cảnh câu chuyện trước đoạn *Kiều ở lầu Ngưng Bích* và chủ đề, âm hưởng bao trùm đoạn trích này.  + Phân tích khung cảnh gợi nỗi nhớ của Thuý Kiều qua đoạn mở đầu (từ đầu đến “Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”). Chú ý nghệ thuật lựa chọn không gian, thời gian và các hình ảnh.  + Phân tích nỗi nhớ thương của Thuý Kiều qua đoạn tiếp theo (từ “Tưởng người dưới nguyệt chén đồng” đến “Có khi gốc tử đã vừa người ôm?”). Chú ý nghệ thuật lựa chọn ngôn từ và bút pháp miêu tả độc thoại nội tâm nhân vật.  + Phân tích diễn biến tâm trạng của Thuý Kiều qua tám dòng thơ cuối. Chú ý các biện pháp nghệ thuật: điệp ngữ, lựa chọn hình ảnh, không gian và thời gian, câu hỏi tu từ,… | |  |  |
| - Đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích: Thể thơ lục bát cổ truyền; Nghệ thuật miêu tả nội tâm đặc sắc với bút pháp tả cảnh ngụ tình tinh tế kết hợp các biện pháp tu từ quen thuộc (ẩn dụ, nhân hóa, từ láy, thành ngữ ...); Ngôn ngữ độc thoại, điệp ngữ “buồn trông”… kết hợp với các hình ảnh đứng sau diễn tả nỗi buồn với nhiều sắc độ khác nhau. | |  |  |
| + Đã nêu được những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về nội dung, nghệ thuật của bài thơ. | |  |  |
| **Kết bài** | - Nêu những suy nghĩ và cảm xúc của bản thân về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích.* | |  |  |
| **Kĩ năng, trình bày diễn đạt** | Sắp xếp các ý triển khai và dẫn chứng hợp lí. | |  |  |
| Bố cục chặt chẽ, trình bày mạch lạc. | |  |  |
| Đảm bảo chính tả, dùng từ và diễn đạt. | |  |  |
| Sử dụng các từ ngữ, câu văn để liên kết các ý. | |  |  |
| **d) Kiểm tra và chỉnh sửa**  **-** Đọc lại bài viết, kiểm tra các ý đã đầy đủ và đúng trình tự được nêu ở dàn ý chưa?  - Phát hiện sửa lỗi về viết:  + Lỗi về ý: Thiếu ý (ý sơ sài, chưa nêu hết được những điều cần viết), ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí), lạc ý (nêu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu), ý tản mạn (nêu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết)  + Lỗi về diễn đạt (dùng từ, viết câu), chính tả.   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc, kiểm tra chỉnh sửa lỗi sai.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, đổi chéo bài, kiểm tra, góp ý chỉnh sửa.  - Cá nhân nhận lại bài kiểm tra theo góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  -Học sinh nhận xét kết quả kiểm tra  - Sau khi sửa thì báo cáo kết quả sau khi đã chỉnh sửa.  **Bước 4: Đánh giá , kết luận**  **-** HS đánh giá phần trả lời của bạn.  - GV đánh giá, kết luận. | **d. Kiểm tra và chỉnh sửa**  **-** Đọc lại bài viết, kiểm tra các ý đã đầy đủ và đúng trình tự được nêu ở dàn ý chưa.  - Phát hiện sửa lỗi về viết:  + Lỗi về ý: Thiếu ý (ý sơ sài, chưa nêu hết được những điều cần viết), ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí), lạc ý (nêu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu), ý tản mạn (nêu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết).  + Lỗi về diễn đạt (dùng từ, viết câu), chính tả. |   **PHIẾU KIỂM TRA, CHỈNH SỬA BÀI VIẾT:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung lỗi cần sửa** | | **Sửa lỗi** | | Phát hiện và sửa ý và trình tự triển khai ý | Trình tự triển khai ý |  | | Các ý cần bổ sung |  | | Phát hiện sửa lỗi về ý | Thiếu ý |  | | Sắp xếp lại ý lộn xộn |  | | Sửa lại các ý lạc đề |  | | Sửa lại các ý tản mạn |  | | Phát hiện sửa lỗi diễn đạt | Lỗi dùng từ |  | | Lỗi viết câu |  | | Lỗi chính tả | Lỗi chính tả |  | | | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Dự kiến sản phẩm** | | |
| **Nhiệm vụ 2: Rèn luyện kĩ năng phân tích tác dụng của yếu tố hình thức thơ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  1) *Vì sao khi phân tích tác phẩm thơ, chúng ta cần chú ý để phân tích hình thức của bài thơ đó?*  2) HS đọc các đoạn văn 1,2,3 trong mục b. Bài tập, và cho biết trong các đoạn văn đó, người viết đã tập trung phân tích tác dụng của yếu tố hình thức nào của văn bản thơ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS nêu được sự cần thiết phải rèn luyện kĩ năng phân tích tác dụng của yếu tố hình thức thơ.  **-** HS chia sẻ nhận biết các đoạn văn đã phân tích các yếu tố hình thức thơ nào trong từng đoạn cụ thể.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Học sinh báo cáo, thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét và kết luận. | | **2.2. Rèn luyện kĩ năng phân tích tác dụng của hình thức thơ**  **a. Cách thức**  - Phân tích văn học là chai tách đối tượng (tác phẩm văn, thơ, kí, kịch) thành nhiều phần, xem xét từ nhiều bình diện (nội dung, nghệ thuật); từ đó, chỉ ra giá trị (cái hay, cái đẹp, ý nghĩa, tác dụng) của đối tượng ấy.  - Phân tích tác phẩm văn học cần thấy được sự gắn bó giữa nội dung và hình thức nghệ thuật, thể hiện bằng việc nhân ra các yếu tố nghệ thuật đặc sắc và chỉ ra tác dụng của chúng trong việc thể hiện nội dung.  **b. Bài tập**  Hãy phân tích một đoạn thơ trích từ Truyện Kiều (Nguyễn Du) hoặc Truyện Lục Vân Tiên (Nguyễn Đình Chiểu) mà em yêu thích. | | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**1. Mục tiêu:**

**-** Chỉnh sửa được bài viết của bản thân.

- Tự lập dàn ý và viết bài phân tích đoạn trích trong bài thơ khác.

**2.** **Nội dung**: Chỉnh sửa bài viết của bản thân hay góp ý bài viết cho bạn. Tự thực hành viết bài phân tích một đoạn trích trong bài thơ khác.

**3. Sản phẩm**: Bài viết đã chỉnh sửa, phần góp ý cho bài viết của bạn; bài viết cá nhân.

**4. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

- Dựa vào những góp ý của bạn theo nhóm đôi, hãy tự chỉnh sửa bài viết của bản thân.

- Nhận bài viết của một bạn khác trong lớp, đọc, góp ý dựa trên bảng kiểm GV cung cấp.

- Tự thực hiện các bước chuẩn bị, tìm ý, lập dàn ý rồi viết bài phân tích đoạn trích trong tác phẩm truyện thơ Nôm.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS công bố bài viết trên trang web của lớp hoặc bảng tin học tập của lớp.

- Gửi cho bạn những ý kiến góp ý cho bài viết của bạn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Học bài, nắm chắc cách viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học.

- Lưu trữ lại bài viết, bảng kiểm đánh giá vào hồ sơ cá nhân.

- GV giao phiếu học tập và yêu cầu HS chuẩn bị bài sau:

**Nói và nghe:** Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một tác phẩm thơ.

**=> HS hoàn thành Phiếu chuẩn bị bài nói theo mẫu sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu chuẩn bị bài nói: Nghe và nhận biết tính thuyết phục về một ý kiến. (HS chuẩn bị ở nhà)** | |
| **1. Mục đích của bài nói** | **...** |
| **2. Đối tượng người nghe** | **...** |
| **3. Phạm vi trình bày** | **...** |
| **4. Tìm ý cho bài nói:** Trả lời các câu hỏi sau:  - Ý kiến đó đúng hay sai? Vì sao?  - Ngôn ngữ Nam Bộ là gì?.  - Ngôn ngữ Nam Bộ được thể hiện ró trong đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga như thế nào?. | **...** |
| **5. Dàn ý bài nói:**  Mở đầu:.......  Triển khai:......  Kết luận:......... | **...** |

***NÓI VÀ NGHE:***

**NGHE VÀ NHẬN BIẾT TÍNH THUYẾT PHỤC CỦA MỘT Ý KIẾN**

**I/Mục tiêu**:

**1/Về năng lực**

* HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói và nghe; tiếp tục rèn luyện và phát triển kĩ năng nghe để nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.
* HS có khả năng nắm bắt được thông tin bài nói của người khác.
* HS biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

**2/Phẩm chất**

* Tự tin thể hiện bản thân.
* Biết lắng nghe, tôn trọng.

**II/Thiết bị và học liệu**

**1/Thiết bị**: máy tính, máy chiếu,…

**2/Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy,…

**III/Tiến trình dạy học**

GV dẫn dắt vào nội dung bài học

Có nhiều vấn đề trong cuộc sống. Trước vấn đề ấy, các em có thể phát biểu ý kiến, nêu lên những suy nghĩ, nhận xét; đưa ra lí lẽ và dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình, sau đó cùng nhau trao đổi để tìm ra phương hướng giải pháp thống nhất. Tiết học hôm nay sẽ cùng thực hành nghe để nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

**Hoạt động 1: Ôn tập củng cố kiến thức**

**Hoạt động 1: Ôn lại kiến thức bài : Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được định nghĩa và các yêu cầu chung của bài nói và nghe: Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

**b. Nội dung**: HS xác định được nội dung của tiết học nói và nghe : Thực hành nghe để nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

**c. Sản phẩm**: Sản phẩm bài nói, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

1. **Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG 1:**  **Ôn tập củng cố kiến thức.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  *Câu 1.  Vì sao nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến là yêu cầu cần thiết trong giao tiếp, nhất là khi nghe trình bày một ý kiến nghị luận?*  *Câu 2. Muốn nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến, em cần lưu ý điều gì?*  *Câu 3: Để nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.Theo em người nghe sẽ ghi lại những gì khi nghe người nói trình bày?*  *Câu 4: Trình bày các bước khi nói và nghe để nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến ?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức cho học sinh tham gia mở hộp quà để trả lời các câu hỏi (*dựa vào phần định hướng trong SGK đã học ở bài 1)*  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS trả lời câu hỏi**  + Đại diện một số HS phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.** | **I :Ôn lại kiến thức bài : Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.**  Bởi vì:  - Mục đích của văn nghị luận là thuyết phục.  - Kĩ năng nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến người nói thể hiện sự chủ động trong giao tiếp ở người nghe.  - Người nghe cần nắm được nội dung và cách thức trình bày của người nói, nhận biết được tính thuyết phục cũng như chỉ ra được những hạn chế (nếu có).  - Nghe kĩ nội dung ý kiến mà người nói đã trình bày (Người nói nêu ý kiến về vấn đề gì? Mục đích của người nói là gì?).  - Ghi lại cách trình bày ý kiến của người nói.  - Đánh giá chung về tính thuyết phục trong ý kiến của người nói.  - Mở đầu nêu lên vấn đề gì?  - Triển khai vấn đề bằng các lí lẽ và bằng chứng ra sao?  - Lí lẽ và bằng chứng có sức thuyết phục không  - Nội dung trình bày có logic, chặt chẽ không?  - Còn thiếu những bằng chứng gì?  Bước 1: Chuẩn bị  Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý  Bước 3: Nói và nghe  Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa |

**Hoạt động 2: Thực hành nghe**

Bài tập: Nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến người nói về một trong hai vấn đề sau:

(1): Từ đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”, làm sáng tỏ ý kiến: Nguyễn Du tả cảnh để ngụ tình.

(2): Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu thể hiện rõ nét sắc thái của ngôn ngữ Nam bộ. Hãy làm rõ ý kiến đó qua đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nghe, kĩ năng nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến người nói thể hiện sự chủ động trong giao tiếp ở người nghe. Người nghe cần nắm được nội dung và cách thức trình bày của người nói, nhận biết được tính thuyết phục cũng như chỉ ra được những hạn chế (nếu có).  **b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã nghe xong.  **c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài nghe, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  Nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến người nói về vấn đề 2:  (2): Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu thể hiện rõ nét sắc thái của ngôn ngữ Nam bộ. Hãy làm rõ ý kiến đó qua đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”. | | |
| **HOẠT ĐỘNG 2:**  **Thực hành nói và nghe**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  **? Trước khi nói, hãy chọn một vấn đề cho bài nói của mình?**  ?**Trước khi nghe, hãy trả lời các câu hỏi sau**:  (Người nói nêu ý kiến về vấn đề gì? Mục đích của người nói là gì?).  **Trước khi nói, hãy tìm ý và lập dàn ý cho bài nói của mình?**  ***- Người nói: Cần trả lời được một số câu hỏi sau:***  + Ý kiến đó là đúng hay sai? Vì sao?  + Ngôn ngữ Nam bộ là gì?  + Ngôn ngữ Nam Bộ được thể hiện rõ trong đoạn trích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga như thế nào?    ***- Người nghe: chú ý các điểm cần tập trung khi nghe để nhận biết tính thuyết phục của ý kiến được trình bày.***  + Ý kiến tán thành hay phản đối của người nói có thuyết phục không?  + Quan niệm về ngôn ngữ Nam bộ của người nói có đúng không? Vì sao?  + Những lí lẽ và bằng chứng về ngôn ngữ Nam Bộ trong đoạn trích được người nói dẫn ra có chính xác không?  + Cần bổ sung, chỉnh sửa như thế nào cho đúng và có sức thuyết phục hơn?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS trình bày sản phẩm trước lớp, các em khác lắng nghe.  - Nghe kĩ nội dung người nói đã trình bày.  - Ghi lại cách trình bày ý kiến của người nói.  - Đánh giá chung về tính thuyết phục trong ý kiến của người nói.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS báo cáo kết quả nghe**  - HS thảo luận nhóm bàn sau đó cử 1 bạn đại diện đánh giá tính thuyết phục của ý kiến qua bài nói của bạn.  ( GV có thể cử đại diện của 4 nhóm)  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | | **II. Thực hành**  **1. Chuẩn bị :**  ***Người nói:***  - Chuẩn bị (ở nhà) ý kiến của cá nhân về một trong hai vấn đề mà bài tập đã nêu lên.  ***Người nghe:***  - Nghe kĩ nội dung ý kiến mà người nói đã trình bày  - Ghi lại cách trình bày ý kiến của người nói.  - Đánh giá chung về tính thuyết phục trong ý kiến của người nói.  **2. Tìm ý, lập dàn ý**  ->Ý kiến đó là đúng vì trong Truyện Lục Vân Tiên, đặc biệt trong đoạn trích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga, Nguyễn Đình Chiểu đã sử dụng rất nhiều ngôn ngữ Nam Bộ.  -> Tiếng Nam Bộ là tiếng Việt của khu vực Nam Bộ. Nó có những quy luật hoạt động cơ bản giống như ngôn ngữ toàn dân nhưng rõ ràng có những khác biệt so với tiếng được coi là chuẩn của toàn dân cả về phát âm, từ vựng, ngữ pháp và cả trong cách chơi chữ, nói lái, nói lướt âm, nuốt âm, đặt tên đất, tên sông rạch, cầu cống  -> Ngôn ngữ của tác giả là ngôn ngữ bình dị, mộc mạc, khoáng đạt gần gũi với lời ăn tiếng nói hàng ngày. Ngôn ngữ mang màu sắc địa phương Nam Bộ với các từ địa phương: nhằm làng, xông vô, kêu rằng, tại mầy, xe nầy, tiểu thơ…Các từ ngữ này làm cho màu sắc Nam Bộ rất độc đáo, được người dân Nam Bộ yêu thích, truyền tụng. Ngoài ra, ngôn ngữ kể chuyện khá linh hoạt, đa dạng. Miêu tả trận đánh, lời lẽ Phong Lai, khác hẳn với việc miêu tả cuộc trò chuyện của chàng với hai cô gái. Ngôn ngữ thơ ca rất phù hợp với diễn biến, tình tiết truyện.  -> Ý kiến tán của người nói có sức thuyết phục.  -> Quan niệm về ngôn ngữ Nam Bộ của người nói là đúng.  -> Những lí lẽ và bằng chứng về ngôn ngữ Nam Bộ trong đoạn trích được người nói dẫn ra hoàn toàn chính xác.  -> Không cần bổ sung chỉnh sửa.  **3. Nói và nghe**  ***- Người nói:***  + Nêu lên ý kiến của mình trước nhóm hoặc lớp.  + Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc; sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; thực hiện đúng thời gian dự kiến.  + Chú ý điều chỉnh giọng điệu, cách trình bày; quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.  + Có thể trả lời câu hỏi của người nghe  ***- Người nghe:***  +Tập trung theo dõi và nắm được thông tin từ người nói; ghi chép các ý chính và các điểm chưa rõ cần hỏi lại.  + Sử dụng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.  + Nêu câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc muốn mở rộng hiểu biết; trao đổi lại về các chi tiết, nội dung mà em thấy chưa thuyết phục.      **4.Kiểm tra và chỉnh sửa**  \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/chưa đạt** | | - Nêu lên ý kiến của mình trước nhóm hoặc lớp. |  | | - Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc; sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; thực hiện đúng thời gian dự kiến. |  | | - Chú ý điều chỉnh giọng điệu, cách trình bày; quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe. |  |   \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/chưa đạt** | | - Nắm và hiểu được ý chính của bài nói trình bày ý kiến của bạn |  | | - Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm hay điểm hạn chế của bạn; điều em tâm đắc hay điều em muốn thay đổi trong bài nói của bạn |  | | - Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn trình bày ý kiến. |  | |
| **Hoạt động 3: Trao đổi, đánh giá về bài nghe** | | |
| **a. Mục tiêu:** GQVĐ  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nghe của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài nghe.  - Chỉnh sửa bài nghe cho mình và cho bạn.  **b. Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá hoạt động nghe dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **c. Sản phẩm:** Phiếu đánh giá bài nghe .  **d. Tổ chức thực hiện.** | | |
| **HOẠT ĐỘNG 3:**  **Trao đổi, đánh giá về bài nói và nghe**  **\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: GV yêu cầu HS:  Đánh giá bài nghe của các bạn đã trình bày theo phiếu đánh giá HĐ nghe gắn với các tiêu chí.   * **GV đặt thêm câu hỏi**:   *+ Với người nói:*  *Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì?*  + Với người nghe*:*  *Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nghe trước lớp của bạn.  - Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nghe cho bạn.  **\* Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **III. Trao đổi, đánh giá**  ***Người nói:***  Rút kinh nghiệm về việc lựa chọn vấn đề trình bày, quá trình chuẩn bị, nội dung. cách thức và thái độ trình bày...  – Tự đánh giá:  + Trong bài trình bày của mình, em hài lòng về những điểm nào (nội dung, hình thức, thái độ)?  + Bài trình bày đã có sức thuyết phục chưa?  + Em muốn thay đổi điều gì trong bài trình bày của mình?  ***Người nghe:***  Kiểm tra việc nghe và ghi chép các nội dung thông tin (Đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì?...).  – Nêu nhận xét về nội dung, hình thức và tính thuyết phục của bài trình bày.  – Đánh giá:  + Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao?  + Điều em rút ra được từ bài trình bày của bạn là gì? | |

|  |
| --- |
| **Hoạt động 4: Vận dụng**  *a) Mục tiêu:* Củng cố và mở rộng kiến thức, nội dung của bài học cho HS,  *b) Nội dung:* Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  *c) Sản phẩm:* Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  *d) Tổ chức thực hiện:* |
| **HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  (GV giao bài tập)  - Bài tập: Hoàn thành phần nói và nghe:  Bài tập: Nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến người nói về vấn đề sau:  (1): Từ đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”, làm sáng tỏ ý kiến: Nguyễn Du tả cảnh để ngụ tình.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.  - HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.  - HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS;  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau. |